BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN & KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

MỖI THÁNG 2 KỲ

1

Tháng 01 - 2014

HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2013 VÀ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2014 NGÀNH XÂY DỰNG

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2014

Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng
báo cáo tại Hội nghị

Đoàn Chủ tịch Hội nghị

Các bạn đọc và cộng tác viên thân mến!

Trong nhiều năm qua, được sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên của lãnh đạo Bộ Xây dựng và sự giúp đỡ, cộng tác nhiệt tình của các cơ quan, đơn vị trong Ngành, Ấn phẩm Thông tin Xây dựng cơ bản và Khoa học công nghệ xây dựng đã không ngừng được nâng cao về chất lượng nội dung và hình thức, phục vụ đắc lực công tác chỉ đạo, điều hành - quản lý của Lãnh đạo Bộ và các cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng ở các địa phương trong cả nước.

Năm 2014, Ấn phẩm Thông tin Xây dựng cơ bản và Khoa học công nghệ xây dựng rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Xây dựng; sự cộng tác, ủng hộ của các đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài ngành Xây dựng; của các cộng tác viên để Ấn phẩm ngày càng đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu của các bạn đọc và các cộng tác viên.

Nhân dịp năm mới Xuân Giáp Ngọ - 2014, Trung tâm Thông tin - đơn vị phát hành Ấn phẩm Thông tin Xây dựng cơ bản và Khoa học công nghệ xây dựng xin kính chúc toàn thể Quý độc giả, các cộng tác viên cùng gia đình lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM THÔNG TIN

TS. ĐẶNG KIM GIAO

THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN & KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỲ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI LĂM

1

SỐ 1 - 01/2014

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW
- Quyết định số 2355/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội miền Tây tỉnh Nghệ An đến năm 2020 6
- Quyết định số 2456/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Năm Căn, tỉnh Cà Mau đến năm 2030 8

Văn bản của địa phương
- Quyết định số 56/2013/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Hà Nội 11
- Quyết định số 38/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về việc cấp Giấy phép quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bình Dương 14
- Quyết định số 27/2013/QĐ-UBND của UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quy định phân cấp quản lý chiếu sáng đô thị và các hoạt động liên quan đến chiếu sáng đô thị 16

TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI
TEL : (04) 38.215.137
(04) 38.215.138
FAX : (04) 39.741.709
Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT
CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

CN. NGUYỄN THỊ MINH HOA **(Trưởng ban)**
CN. BẠCH MINH TUẤN **(Phó ban)**
CN. ĐỖ KIM NHẠN
CN. BÙI QUỲNH ANH
CN. TRẦN THỊ THU HUYỀN
CN. NGUYỄN BÍCH NGỌC
CN. NGUYỄN LỆ MINH
CN. PHẠM KHÁNH LY

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu Dự án sự nghiệp kinh tế: Điều tra, khảo sát tình hình sản xuất và sử dụng bê tông nhẹ và đề xuất kỹ thuật đảm bảo sự làm việc ổn định của chúng trong xây dựng nhà cao tầng trong điều kiện Việt Nam (Mã số: 08/2011/HĐ-SNKT) 19
- Hội nghị nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học công nghệ: "Xây dựng danh mục hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn sử dụng kính trong công trình xây dựng" và "Xây dựng cẩm nang hướng dẫn sử dụng kính trong công trình xây dựng" 21
- Hội nghị Quốc tế lần 1 về Sự bền vững của bê tông 22
- Những vật liệu xây dựng an toàn về mặt sinh thái 23
- "Ngôi nhà mặt trời" - Vấn đề đầu tư cho xây dựng sinh thái của Nga 26
- Tổng quan về những yêu cầu đối với nhà ở hiện đại trên thế giới 29

Thông tin

- Hội nghị trực tuyến tổng kết công tác năm 2013 và triển khai nhiệm vụ kế hoạch năm 2014 ngành Xây dựng 30
- Kỳ họp lần thứ 10 Ủy ban Liên Chính phủ Việt Nam – An-giê-ri 33
- Công đoàn Xây dựng Việt Nam tổng kết công tác công đoàn năm 2013 và triển khai nhiệm vụ năm 2014 35
- Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng tổng kết công tác năm 2013, bàn phương hướng, nhiệm vụ năm 2014 38
- Viện Kinh tế Xây dựng tổng kết công tác năm 2013 và triển khai nhiệm vụ năm 2014 39
- Những can thiệp có hiệu quả của công tác quy hoạch thành phố đối với phát triển bất động sản ở Trung Quốc 41
- Xây dựng Trung Quốc tươi đẹp, hỗ trợ phát triển sinh thái 45
- Chiến lược phát triển giao thông cácbon thấp của đô thị vừa và lớn 46

VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Quyết định số 2355/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội miền Tây tỉnh Nghệ An đến năm 2020

Ngày 04/12/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2355/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội miền Tây tỉnh Nghệ An đến năm 2020 với quan điểm: Tập trung khai thác có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế về tài nguyên khoáng sản, đất đai khu vực miền Tây tỉnh Nghệ An nhằm thu hút đầu tư, tạo đột phá để phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hình thành các vùng sản xuất cây nguyên liệu, chăn nuôi tập trung quy mô lớn gắn với phát triển công nghiệp chế biến để góp phần tăng nhanh tỉ trọng công nghiệp, giải quyết việc làm và phân công lại lao động trên địa bàn; phát huy cao độ nội lực của miền Tây Nghệ An cùng với sự hỗ trợ từ Trung ương và các cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư để phát triển, tập trung nguồn lực để từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống nhân dân; phát huy yếu tố con người, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có chính sách thu hút, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao, có cơ chế khuyến khích phát triển giáo dục, đào tạo, nhất là đội ngũ công chức, đội ngũ doanh nhân và người lao động; phát triển kinh tế phải gắn với giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội, xây dựng đường biên giới Việt Nam - Lào hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, bảo vệ môi trường sinh thái.

Về mục tiêu phát triển, khai thác hợp lý và có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh về phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy điện, khai khoáng, du lịch và kinh tế cửa khẩu để duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế miền Tây tỉnh Nghệ An cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh, cải thiện rõ rệt và đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, dân sinh và bảo đảm quốc phòng, an ninh, từng bước thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển và mức sống của người dân trong vùng so với mức bình quân chung của tỉnh; hoàn thành cơ bản sắp xếp ổn định dân cư, nhất là vùng đồng bào tái định cư các dự án thủy điện, thủy lợi, đưa dân ra biên giới, khắc phục cơ bản tình trạng dân di cư tự do, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, đặc biệt là nhân dân vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh và ổn định chính trị. Cụ thể, về kinh tế, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 12 - 13% cho giai đoạn 2013 - 2015 và đạt 11 - 12% giai đoạn 2016 - 2020, thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 25 - 26 triệu đồng vào năm 2015 và khoảng 51 - 52 triệu đồng vào năm 2020; tỉ trọng các ngành nông, lâm, thủy sản - công nghiệp, xây dựng - dịch vụ chiếm 32% - 33% - 35% vào năm 2015 và tỉ lệ này tương ứng vào năm 2020 là 24% - 37% - 39%; thu ngân sách tăng bình quân hàng năm khoảng 34 - 35% giai đoạn 2013 - 2015 và 33 - 34% giai đoạn 2016 - 2020, phấn đấu đạt 1.720 tỉ đồng vào năm 2015 và 7.294 tỉ đồng vào năm 2020. Về văn

hóa, xã hội, đến năm 2015 tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 45%, tỉ lệ trẻ em trong độ tuổi tiểu học đến trường đạt 95%, trên 50% số trường đạt chuẩn quốc gia, 50% số xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế, đạt tỉ lệ 5 bác sĩ và 0,4 dược sỹ đại học, 14 giường bệnh trên một vạn dân, tỉ lệ xã có bác sĩ công tác đạt 85%, giảm tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng xuống dưới 20%, 50% số xã, phường, thị trấn có thiết chế văn hóa, thông tin, thể thao đạt chuẩn, tỉ lệ hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa 70% và 50% đối với làng, bản, khối, xóm; giảm tỉ lệ hộ nghèo bình quân 3 - 4%/năm cho cả giai đoạn 2013 - 2020, hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi trước năm 2015, phủ sóng truyền hình mặt đất cho 100% cư dân vào năm 2015, đa dạng hóa các chương trình phát sóng, đảm bảo số giờ phát sóng do đài của tỉnh Nghệ An và các đài huyện, thị xã trên địa bàn sản xuất. Về bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát triển khu dự trữ sinh quyển thế giới Pù Mát, Pù Huống, Pù Hoạt, đặc biệt là bảo vệ tính đa dạng sinh học, nâng độ che phủ rừng lên 68% vào năm 2015 và 75% vào năm 2020. Tỉ lệ dân số được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 87% vào năm 2015 và 95% vào năm 2020, trên 70% cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường vào năm 2015 và 80% vào năm 2020, đảm bảo 100% lượng CTR y tế tại các cơ sở y tế được thu gom, phân loại và vận chuyển đến các cơ sở xử lý vào năm 2015; đến năm 2015, các đô thị loại IV trở lên và tất cả các khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, đô thị, cần đảm bảo phát triển đồng bộ, cân đối hệ thống kết cấu hạ tầng làm động lực phát triển kinh tế - xã hội của Vùng, đặc biệt là hệ thống giao thông gắn kết các huyện trong vùng và kết nối với các vùng khác; phấn đấu hoàn thành xây dựng, nâng cấp và làm mới các tuyến đường giao thông quan trọng, nâng cấp các tuyến tỉnh lộ khác và hệ thống giao thông vùng nguyên liệu, phục vụ du lịch, các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị mới, nâng cấp, làm mới các tuyến đường kinh tế kết hợp với quốc phòng, đường ra các cửa khẩu, các đường tuần tra biên giới, các tuyến đường giao thông biên giới, các tuyến đường đến trung tâm xã, các tuyến đường từ trung tâm xã đến thôn, bản; xây dựng các cầu thay thế bến đò và cầu vào các bản vùng sâu, vùng xa; phấn đấu đến năm 2020 hoàn thành xây dựng 100% cầu thay thế các bến đò và cầu vào các bản vùng sâu, vùng xa, bảo đảm 100% đường đến trung tâm thôn bản tối thiểu xe máy đi lại được, xây dựng mới một số bến xe, điểm đỗ xe, trạm dừng nghỉ. Về thủy lợi, cấp nước, tiếp tục công tác duy tu, bảo dưỡng, chống xuống cấp hệ thống hồ đập đã xây dựng, đầu tư sửa chữa các hồ đập đã hư hỏng, xuống cấp, không đảm bảo năng lực xả lũ, đẩy nhanh tiến độ xây dựng Hồ chứa nước Bản Mồng, hệ thống thủy lợi Sông Sào, thực hiện dự án xóa vùng chậm lũ Bích Hào, Thanh Chương, xây dựng thêm một số hồ đập nhỏ có hiệu quả, đảm bảo cung cấp nước phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân, phát triển hệ thống thủy lợi để chủ động tưới tiêu cho vùng cây công nghiệp, cây ăn quả tập trung, củng cố hệ thống đê sông, từng bước xây dựng các công trình kè sông biên giới theo quy hoạch đã phê duyệt; đầu tư, nâng cấp hệ thống cấp nước đáp ứng đủ nước sạch phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân đô thị, áp dụng công nghệ tiên tiến và xây dựng các mô hình cấp nước hợp vệ sinh cho nhân dân khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới. Về phát triển đô thị, phát triển đô thị trung tâm vùng Tây Bắc và đô thị trung tâm vùng Tây Nam liên kết với các đô thị lân cận tạo thành các cụm đô thị động lực có chức năng thúc đẩy kinh tế - xã hội của Vùng, kết nối với các đô thị ở đồng bằng, ven biển theo tuyến giao thông quốc lộ, tỉnh lộ, tạo thành các hành lang kinh tế - đô thị, thúc đẩy phát triển toàn diện miền Tây tỉnh Nghệ An, phát triển các đô thị trung tâm cấp huyện, trung tâm các khu dân

cư nông thôn; phát triển khu công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, cửa khẩu; huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng các công trình phục vụ cho việc chuẩn hóa về giáo dục trên địa bàn, hoàn thành xây dựng bệnh viện Tây Bắc và Tây Nam, xây dựng cơ sở hạ tầng các trung tâm y tế huyện, phòng khám đa khoa khu vực, những nơi chưa có trạm y tế xã, từng bước hỗ trợ đầu tư trang thiết bị cho các bệnh viện huyện, từng bước xây mới, nâng cấp, hiện đại hóa cơ sở vật chất của ngành văn hóa - thể thao trên địa bàn thông qua việc xây dựng thiết chế văn hóa - thể thao đạt chuẩn ở cơ sở; phát triển cơ sở hạ tầng hệ thống viễn thông, nâng cấp các tổng đài và cáp quang hóa toàn bộ hệ thống truyền dẫn.

Quyết định này đã đề ra một số giải pháp chủ yếu để thực hiện Đề án. Về quản lý quy hoạch, tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung, nâng cao chất lượng quy hoạch, nhất là quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, không gian đô thị, khu công nghiệp, khu nông nghiệp công nghệ cao, xây dựng nông thôn mới, đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển; tăng cường chỉ đạo, quản lý, thanh tra, kiểm tra thực hiện quy hoạch. Về huy động các nguồn vốn đầu tư, khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia vào đầu tư cơ sở hạ tầng, huy động tối đa nguồn vốn từ quỹ đất để phát triển hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động sự nghiệp như y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao; đổi mới cơ chế chính sách, cải thiện môi trường đầu tư, chú trọng công tác xúc tiến đầu tư, chuẩn bị tốt dự án đầu tư và quỹ đất để kêu gọi đầu tư…

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

Quyết định số 2456/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Năm Căn, tỉnh Cà Mau đến năm 2030

Ngày 17/12/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2456/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Năm Căn, tỉnh Cà Mau đến năm 2030 với tính chất là khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, gồm khu phi thuế quan và khu thuế quan; là đầu mối giao thương quốc tế của tỉnh Cà Mau và vùng đồng bằng sông Cửu Long; là động lực phát triển kinh tế của tiểu vùng phía Nam tỉnh Cà Mau với trọng tâm phát triển công nghiệp cơ khí, đóng mới tàu biển và dịch vụ tài chính, viễn thông; trung tâm dịch vụ du lịch sinh thái đặc trưng rừng ngập mặn, trung tâm công nghiệp, thương mại - dịch vụ và nuôi trồng, chế biến thủy sản của vùng đồng bằng sông Cửu Long; có vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh của vùng đồng bằng sông Cửu Long và quốc gia.

Mục đích của Quy hoạch là khai thác tối đa lợi thế về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý kinh tế và chính trị trong giao thương, dịch vụ quốc tế và trong nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau và khu vực đồng bằng sông Cửu Long; xây dựng và phát triển Khu kinh tế Năm Căn với các ngành chủ chốt là công nghiệp cơ khí, đóng mới sửa chữa tàu biển, lắp ráp máy, điện tử, công nghiệp chế biến hàng thủy sản xuất khẩu, công nghiệp và dịch vụ dầu khí, may mặc, vật liệu xây dựng, sản xuất hàng tiêu dùng cùng các ngành công nghiệp bổ trợ khác, phát triển du lịch sinh thái rừng ngập mặn ven biển và du lịch biển đảo, kinh tế cảng, khu phi thuế quan gắn với cảng và khu dân cư đô thị; tạo việc làm, đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng thu nhập cho người lao động.

Theo Quy hoạch này, dự báo đến năm 2020

quy mô dân số toàn Khu kinh tế khoảng 45.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 28.000 người, dự báo đến năm 2030 quy mô dân số khoảng 90.000 người, dân số đô thị khoảng 80.000 người. Đến năm 2020, đất xây dựng đô thị và khu phi thuế quan khoảng 875 ha, trong đó đất khu phi thuế quan khoảng 320 ha, chỉ tiêu đất dân dụng giai đoạn này đạt 90 - 110 m^2/người, đến năm 2030, đất xây dựng đô thị và khu phi thuế quan khoảng 2.170 ha, trong đó đất khu phi thuế quan khoảng 800 ha, chỉ tiêu đất dân dụng giai đoạn này đạt 100 - 130 m^2/người.

Khu kinh tế Năm Căn phát triển theo mô hình chuỗi các đô thị và khu phi thuế quan theo các trục hành lang kinh tế đường thủy là sông Cửa Lớn, kênh xáng Cái Nai và các tuyến đường bộ là quốc lộ 1A, đê biển Đông, đê biển Tây. Khu phi thuế quan, gồm các khu quản lý nhà nước, khu thương mại dịch vụ và công nghiệp gắn với quốc lộ 1A và sông Cửa Lớn. Chuỗi các đô thị bao gồm đô thị Năm Căn, đô thị chuyên ngành kinh tế Hàm Rồng và đô thị Đất Mới liên kết với nhau theo trục quốc lộ 1A. Các điểm dân cư nông thôn tập trung bao gồm các trung tâm xã, các cụm tuyến dân cư nông thôn được phân bố theo các tuyến giao thông bộ và giao thông thủy. Các vùng nông nghiệp, cảnh quan, không gian mở bao gồm các vùng sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, nuôi trồng thủy sản kết hợp trồng rừng, không gian phát triển du lịch sinh thái và dịch vụ du lịch, không gian cây xanh cảnh quan và mạng lưới sông rạch.

Về phân khu chức năng, khu phi thuế quan bố trí tại trung tâm khu kinh tế, gắn kết với vùng phát triển đô thị qua các trục giao thông như quốc lộ 1A, sông Cửa Lớn và các đường ngang của Khu kinh tế với tổng diện tích là 800 ha đến năm 2030, diện tích đất dự kiến phát triển công nghiệp là 500 ha đến năm 2030. Các khu vực phát triển đô thị bao gồm đô thị Năm Căn, đô thị Hàm Rồng và đô thị Đất Mới liên kết với nhau theo trục quốc lộ 1A và đê biển Đông - Tây, tổng diện tích đất xây dựng các đô thị khoảng 1.370 ha. Các khu vực dân cư nông thôn tập trung bao gồm khu vực dân cư sống theo các tuyến kênh, rạch tại đô thị Năm Căn, các trung tâm xã, các cụm tuyến dân cư nông thôn được phân bố theo các tuyến giao thông bộ và thủy. Các khu vực phát triển nuôi trồng thủy sản tập trung tại các xã Hàm Rồng, Hàng Vịnh, Đất Mới và một phần của đô thị Năm Căn, phân bố hai bên quốc lộ 1A và phân chia thành hai khu vực (nuôi trồng thủy sản chuyên canh và nuôi trồng thủy sản kết hợp trồng rừng). Các khu vực cảnh quan - không gian mở bao gồm các vành đai xanh (công viên chuyên đề, rừng trồng, không gian xanh cảnh quan) bao quanh các đô thị và khu phi thuế quan, các tuyến cây xanh cảnh quan dọc kênh rạch, các hồ điều hòa kết hợp cảnh quan, khu du lịch sinh thái phía Tây của Đô thị Năm Căn.

Về định hướng phát triển không gian các đô thị, đô thị Năm Căn là đô thị loại III, trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật của huyện Năm Căn và tiểu vùng phía Nam tỉnh Cà Mau, trung tâm dịch vụ du lịch sinh thái rừng ngập mặn, trung tâm thương mại - dịch vụ phía Nam vùng tỉnh Cà Mau, là đầu mối giao thông của trục hành lang kinh tế đô thị quan trọng của vùng đồng bằng sông Cửu Long và quốc gia, có vị trí chiến lược an ninh quốc phòng quan trọng của vùng đồng bằng sông Cửu Long và quốc gia. Các trục không gian chủ đạo bao gồm trục quốc lộ 1A, đê biển Đông, đê biển Tây và trục chính đô thị; khu hành chính huyện Năm Căn bố trí tại trung tâm đô thị Năm Căn, phía Tây kênh xáng Cái Nai, gắn kết với các trung tâm cấp vùng ở phía Nam; đất ở phân bố hai bên quốc lộ 1A, kênh xáng Cái Nai, với các loại hình ở mật độ cao tập trung dọc theo các trục chính đô thị, ở mật đô thấp bố trí phía sau lớp mật độ cao, gắn kết với các không gian cây xanh đô thị; các trung tâm chuyên ngành cấp vùng như dịch vụ thương

mại, trung tâm y tế vùng bố trí ở trung tâm đô thị, phía đông quốc lộ 1A, trung tâm đào tạo, thể dục thể thao được bố trí phía Tây kênh xáng Cái Nai, tiếp cận với trục chính Khu kinh tế; các khu dịch vụ thương mại và công cộng đô thị bố trí thành mạng lưới, xen kẽ trong các khu ở; khu du lịch sinh thái và dịch vụ du lịch bố trí ở trung tâm khu đô thị; các không gian cây xanh, công viên đô thị bố trí tập trung tại các khu vực rạch Ông Do, dọc kênh xáng Cái Nai, gắn kết với trung tâm hành chính huyện và khu văn hóa - đào tạo cấp vùng; các khu vực cảnh quan, không gian mở được tổ chức dọc theo kênh Xẻo Lớn, rạch Không Quân, rạch Ông Tình và gắn kết với không gian các hồ điều hòa trong đô thị Năm Căn. Đô thị Hàm Rồng là đô thị chuyên ngành thương mại - dịch vụ, sản xuất tiểu thủ công nghiệp hướng phát triển chính dọc theo phía Đông quốc lộ 1A, bờ Nam sông Bảy Háp, đất ở phân bố chủ yếu phía Đông quốc lộ 1A với các loại hình khu ở mật độ cao tập trung dọc theo các trục chính đô thị; trung tâm hành chính và các công trình dịch vụ công cộng đô thị phát triển từ hạt nhân là trung tâm xã Hàm Rồng; cụm tiểu thủ công nghiệp có quy mô 50 ha được bố trí về phía Nam của đô thị, kết nối với quốc lộ 1A qua đường khu vực ở phía Nam của cụm tiểu thủ công nghiệp. Đô thị Đất Mới là đô thị chuyên ngành dịch vụ của khu kinh tế các trục không gian chủ đạo của đô thị gồm trục quốc lộ 1A, kênh xáng Cái Nai, rạch Ông Tà, rạch Ông Do; đất ở phân bố phía Tây quốc lộ 1A, kênh xáng Cái Nai với các loại hình khu ở mật độ cao tập trung dọc t heo phía Tây quốc lộ 1A và hai bên kênh xáng Cái Nai.

Về định hướng không gian kiến trúc cảnh quan, vùng kiểm soát không gian kiến trúc đô thị được tổ chức thành ba phân vùng. Các trục không gian chủ đạo của Khu kinh tế được tổ chức theo các phân vùng kiểm soát. Các công trình điểm nhấn bao gồm các công trình nằm trên các trục không gian chủ đạo và tại các vùng kiểm soát. Các công trình điểm nhấn hiện hữu có giải pháp cải tạo chỉnh trang. Các công trình trung tâm chuyên ngành cấp vùng và trung tâm dịch vụ công cộng được bố trí gắn liền với các trục chính đô thị và tại các cửa ngõ đô thị. Quy định về mật độ xây dựng: Khu vực đô thị Năm Căn hiện hữu, cải tạo có mật độ xây dựng cao nhất (không quá 70%), các khu vực đô thị Hàm Rồng, đô thị Đất Mới, các khu vực ven đô và khu dân cư nông thôn có mật độ xây dựng thấp nhất (không quá 30%), các khu vực xây mới, mở rộng tại đô thị, các khu trung tâm chuyên ngành, khu phi thuế quan có mật độ xây dựng trung bình (không quá 50%). Quy định về tầng cao: Đô thị Năm Căn có tầng cao tối đa là 5 tầng; các đô thị Hàm Rồng, Đất Mới có tầng cao tối đa là 4 tầng; khu phi thuế quan có tầng cao tối đa là 5 tầng, đối với các công trình có yêu cầu đặc biệt về tầng cao được cấp phép riêng.

Về thoát nước mưa, cải tạo hệ thống hiện có, tiếp tục nạo vét tu sửa các tuyến đã có, xử lý các tuyến cống gây ngập cục bộ trong phạm vi trung tâm đô thị Năm Căn; thiết kế hệ thống thoát nước mưa được tách riêng với thoát nước bẩn và kết hợp giữa cống tròn, mương xây, mương hở và hồ chứa. Đối với đô thị Năm Căn, hệ thống thoát nước mưa được tập trung thoát ra kênh xáng Cái Nai, rạch Xẻ Thùng, Xẻ Nạn, kênh Xóm Huế, rạch Ông Tình, kênh Cỏ và kênh Ông Do. Đối với các khu vực khác, hệ thống thoát nước mưa được thiết kế thoát trực tiếp ra rạch Lòng Tong, kênh Ông Bún, Ông U, rạch Lun Lở, kênh Tư, kênh Năm và vào hồ điều hòa. Đối với khu vực phía Bắc, nước mưa được thoát ra sông Bảy Háp, kênh Cái Nhép, kênh Năm Cùng, kênh Đồn, kênh Tắc Năm Căn.

Về định hướng cấp nước, khu phi thuế quan công suất trạm cấp nước đến năm 2020 là 4.300 m^3/ngày đêm, đến năm 2030 là 11.000 m^3/ngày đêm, cấp cho Khu công nghiệp và Khu quản lý nhà nước; đô thị Năm Căn, công suất cấp nước đến năm 2020 là 3.000 m^3/ngày đêm, đến năm 2030 là 10.000 m^3/ngày đêm;

đô thị Hàm Rồng, công suất cấp nước đến năm 2020 là 1.700 m^3/ngày đêm và đến năm 2030 là 3.800 m^3/ngày đêm, cấp cho đô thị Hàm Rồng và cụm công nghiệp Hàm Rồng; đô thị Đất Mới, công suất cấp nước đến năm 2030 là 800 m^3/ngày đêm. Về định hướng thoát nước thải, khu phi thuế quan xây dựng 2 trạm xử lý nước thải, 1 trạm công suất 3.000 m^3/ngày cho khu quản lý nhà nước, khu thương mại dịch vụ và khu công nghiệp phía Bắc, 1 trạm xử lý nước thải công suất 4.800 m^3/ngày cho khu quản lý nhà nước và khu công nghiệp phía Nam; đô thị Năm Căn xây dựng 2 trạm xử lý nước thải, công suất trạm phía Bắc là 2.000 m^3/ngày, công suất trạm phía Nam là 4.300 m^3/ngày; đô thị Hàm Rồng xây dựng trạm thu gom xử lý nước thải công suất 1.600 m^3/ngày cho đô thị, trạm xử lý nước thải công suất 960 m^3/ngày cho cụm công nghiệp; đô thị Đất Mới xây dựng trạm xử lý nước thải công suất 530 m^3/ngày. Về quản lý chất thải rắn (CTR), giai đoạn đến 2020, xây dựng khu xử lý CTR tại xã Lâm Hải với quy mô 6 ha; sau năm 2020 hoàn thiện khu xử lý CTR và chế biến tại xã Tân Hưng Đông huyện Cái Nước với diện tích 15 ha, công suất xử lý 300 - 400 tấn/ngày, dần đóng cửa bãi rác tại xã Lâm Hải. CTR độc hại tại các cơ sở y tế phải được thu gom phân loại và xử lý theo đúng tiêu chuẩn trước khi chuyên chở về khu xử lý tập trung.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 56/2013/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Hà Nội

Ngày 11/12/2013, UBND thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 56/2013/QĐ-UBND ban hành Quy định về thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Quy định này áp dụng đối với chủ đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Hà Nội, các cơ quan chuyên môn về xây dựng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Theo Quy định này, công trình xây dựng được phân loại thành các loại: Công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, công trình hạ tầng kỹ thuật. Cấp công trình xây dựng để quy định đối tượng công trình phải được cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng thẩm tra thiết kế được thực hiện theo quy định của Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Cũng theo Quy định này, chủ đầu tư tổ chức lập và phê duyệt nhiệm vụ khảo sát xây dựng hoặc bổ sung nhiệm vụ khảo sát xây dựng (nếu có) theo nội dung quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều 8 của Thông tư số 10/2013/TT-BXD làm cơ sở lựa chọn nhà thầu khảo sát. Nhà thầu khảo sát xây dựng được lựa chọn phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và có phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng phù hợp với nội dung quy định tại Điều 9 Thông tư số 10/2013/TT-BXD. Riêng đối

với công trình cấp II trở lên được đầu tư xây dựng bằng vốn ngân sách nhà nước, nhà thầu khảo sát phải được công bố thông tin năng lực trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng. Việc giám sát công tác khảo sát xây dựng và nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 12 của Thông tư số 10/2013/TT-BXD. Yêu cầu đối với các bước thiết kế xây dựng công trình, bao gồm thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và thiết kế khác thực hiện theo quy định tại Điều 16 của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP và Điều 14 Thông tư số 10/2012/TT-BXS. Nội dung thiết kế cơ sở thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP, nội dung thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công thực hiện theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 7 của Thông tư số 13/2013/TT-BXD ngày 15/8/2013 của Bộ Xây dựng Quy định thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình. Việc áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn trong thiết kế xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP. Chủ đầu tư tổ chức lập, phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình theo nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 10/2013/TT-BXD. Nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình được phê duyệt là căn cứ để lập thiết kế cơ sở của dự án đầu tư hoặc thiết kế bản vẽ thi công của báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình. Tại các bước thiết kế, chủ đầu tư có thể bổ sung nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình cho phù hợp với điều kiện thực tế. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức lập thiết kế xây dựng công trình, trường hợp chủ đầu tư có đủ năng lực thì được tự thiết kế, trường hợp chủ đầu tư không có đủ năng lực thì thuê tổ chức tư vấn thiết kế. Riêng đối với trường hợp thiết kế ba bước thì nhà thầu thi công có thể được giao lập thiết kế bản vẽ thi công khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định. Tổ chức, cá nhân tham gia thiết kế xây dựng công trình phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định tại Điều 47, 48 và 49 của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP, riêng đối với công trình cấp II trở lên được đầu tư xây dựng bằng vốn ngân sách nhà nước phải được công bố thông tin năng lực trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng. Việc nghiệm thu hồ sơ thiết kế xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

Về thẩm định thiết kế cơ sở đối với dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội, cơ quan, đơn vị đầu mối thẩm định dự án quy định tại Khoản 1 Điều 11 của Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của UBND thành phố Hà Nội tiếp nhận và gửi hồ sơ dự án đến các cơ quan chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở để đề nghị thẩm định hoặc tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở của dự án. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc nhóm A, cơ quan đầu mối thẩm định dự án gửi hồ sơ lấy ý kiến của các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành về thiết kế cơ sở công trình, trực tiếp thuê hoặc đề nghị chủ đầu tư thuê tổ chức tư vấn để thẩm tra tổng mức đầu tư dự án. Đối với dự án bao gồm nhiều loại công trình có chuyên ngành khác nhau, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành gửi văn bản thẩm định thiết kế cơ sở các công trình thuộc dự án về cơ quan đầu mối thẩm định dự án để tổng hợp trước khi trình phê duyệt dự án đầu tư. Nội dung thẩm định thiết kế cơ sở đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc nhóm B, C gồm: Các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP; sự phù hợp của phương pháp xác định tổng mức đầu tư với đặc điểm, tính chất kỹ thuật và yêu cầu công nghệ của dự án; tính đầy đủ, hợp lý và phù hợp với yêu cầu thực tế của các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư dự án.

Về thẩm định thiết kế xây dựng công trình không thuộc đối tượng thẩm tra thiết kế của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng, chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật đối với công trình thực hiện thiết kế 3 bước, thiết kế bản vẽ thi công đối với công trình thực hiện thiết kế 1 bước, 2 bước và thiết kế khác triển khai ngay sau thiết kế cơ sở theo các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 13/2013/TT-BXD. Trong trường hợp cần thiết, chủ đầu tư có thể thuê tổ chức hoặc cá nhân tư vấn thẩm tra thiết kế để thẩm tra toàn bộ hoặc một số nội dung thẩm định quy định tại Khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 13/2013/TT-BXD làm cơ sở thẩm định, phê duyệt thiết kế. Chủ đầu tư xem xét, đánh giá thiết kế kỹ thuật đối với công trình thực hiện thiết kế 3 bước, thiết kế bản vẽ thi công đối với công trình thực hiện thiết kế 1 bước, 2 bước và thiết kế khác triển khai ngay sau thiết kế cơ sở và lập báo cáo tổng hợp theo các nội dung sau: Sự phù hợp về thành phần, quy cách của hồ sơ thiết kế so với quy định của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật, bao gồm thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật, quy trình bảo trì công trình và các hồ sơ khác theo quy định; sự phù hợp của hồ sơ thiết kế so với nhiệm vụ thiết kế, thiết kế cơ sở, các yêu cầu của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan. Đối với công trình có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, công trình thuộc dự án được đầu tư theo các hình thức xây dựng - chuyển giao (BT), xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO), hợp tác công - tư (PPP), công trình có sử dụng vốn vay ưu đãi hoặc vốn đầu tư từ Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội, Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội, trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ trình thẩm tra thiết kế, cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo một lần đến chủ đầu tư để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp không đủ điều kiện để trực tiếp thẩm tra thiết kế thì đồng thời giới thiệu một số tổ chức tư vấn thẩm tra để chủ đầu tư lựa chọn, ký hợp đồng để thực hiện thẩm tra một số hoặc toàn bộ các nội dung quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 13/2013/TT-BXD. Đối với công trình sử dụng vốn khác, trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ trình thẩm tra thiết kế, cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo một lần đến chủ đầu tư để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp không đủ điều kiện để trực tiếp thẩm tra thiết kế thì đồng thời chuyển trả hồ sơ để chủ đầu tư tự lựa chọn tổ chức tư vấn thẩm tra để thực hiện thẩm tra thiết kế theo các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Thông tư số 13/2013/TT-BXD. Trong quá trình thẩm tra thiết kế, trường hợp cần thiết cơ quan chuyên môn về xây dựng có thể lựa chọn các cá nhân tư vấn độc lập để thực hiện thẩm tra một số nội dung thuộc nhiệm vụ của mình. Chủ đầu tư yêu cầu nhà thiết kế tiếp thu, giải trình và kiểm tra, giám sát nhà thầu thiết kế hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế theo ý kiến thẩm tra nêu trên. Cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra, xác nhận bản vẽ thiết kế đã thẩm tra trước khi chủ đầu tư phê duyệt thiết kế. Trường hợp thuê tổ chức tư vấn thẩm tra thiết kế để thực hiện thẩm tra các nội dung thuộc trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng thì tổ chức tư vấn thẩm tra đóng dấu xác nhận bản vẽ thiết kế đã thẩm tra trước khi chủ đầu tư phê duyệt thiết kế và gửi văn bản phê duyệt đến cơ quan chuyên môn về xây dựng để theo dõi, kiểm tra.

Các công trình cải tạo, sửa chữa làm thay đổi quy mô và tải trọng công trình hoặc làm thay đổi kết cấu chịu lực chính của công trình thì phải thực hiện thẩm tra, thẩm định thiết kế như đối với công trình xây dựng mới theo quy định của Quy định này. Trường hợp điều chỉnh, bổ sung thiết kế dẫn đến phải điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng, chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư cho phép điều chỉnh hoặc

phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng trước khi thực hiện lập, thẩm tra, thẩm định điều chỉnh, bổ sung thiết kế xây dựng công trình theo quy định của Quy định này. Đối với các công trình xây dựng thuộc đối tượng thẩm tra thiết kế của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng quy định tại Khoản 1 Điều 21 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP, khi điều chỉnh, bổ sung thiết kế do thay đổi về địa chất công trình, tải trọng thiết kế, giải pháp thiết kế chủ yếu thì chủ đầu tư phải gửi hồ sơ thiết kế đến cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng để tổ chức thẩm tra lại trước khi phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thiết kế xây dựng công trình. Các trường hợp thay đổi thiết kế còn lại, chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thiết kế.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại www.hanoi.gov.vn)

Quyết định số 38/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về việc cấp Giấy phép quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bình Dương

Ngày 11/12/2013, UBND tỉnh Bình Dương đã có Quyết định số 38/2013/QĐ-UBND ban hành Quy định về việc cấp Giấy phép quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Theo Quy định này, Giấy phép quy hoạch được cấp cho các chủ đầu tư có đủ điều kiện năng lực thực hiện đầu tư xây dựng dự án. Giấy phép quy hoạch là cơ sở pháp lý để chủ đầu tư tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết đối với dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung hoặc lập bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình, giải pháp về hạ tầng kỹ thuật (sau đây gọi chung là lập quy hoạch tổng mặt bằng) đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình không phải lập quy hoạch chi tiết theo quy định, là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết, chấp thuận bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng và dự án đầu tư xây dựng. Giấy phép quy hoạch là quy định mà chủ đầu tư phải tuân thủ trong quá trình tổ chức lập quy hoạch chi tiết, lập dự án đầu tư xây dựng và triển khai thực hiện dự án. Giấy phép quy hoạch thay thế các văn bản thỏa thuận quy hoạch kiến trúc trong phạm vi đô thị.

Quy định này quy định các trường hợp cấp Giấy phép quy hoạch bao gồm: Dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung tại khu vực trong đô thị chưa có quy hoạch phân khu tỉ lệ 1:2.000 và quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1:500; dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung tại khu vực trong đô thị có quy hoạch phân khu tỉ lệ 1:2.000 hoặc đã có quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1:2.000 đã được phê duyệt theo Luật Xây dựng năm 2003 nhưng chưa đủ các căn cứ để lập quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1:500 (là các dự án mà trong đồ án quy hoạch phân khu chưa xác định cụ thể ranh giới, quy mô, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị và các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật liên quan); dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ tại khu vực trong đô thị chưa có quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1:500 hoặc thiết kế đô thị, trừ nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân; dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung hoặc riêng lẻ trong khu vực đã có quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1:500 được duyệt, nhưng cần điều chỉnh ranh giới hoặc một số chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị đối với một lô đất.

Theo Quy định này, căn cứ vào thông tin quy hoạch, chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép quy hoạch gửi cơ quan được giao thẩm định tiếp nhận hồ sơ để thẩm định trình cấp thẩm quyền cấp Giấy phép quy hoạch. Căn cứ vào yêu cầu quản lý, kiểm soát phát triển thực tế của đô thị, Quy chuẩn về quy hoạch xây

dựng, Quy định quản lý theo quy hoạch đô thị, Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, đề xuất của chủ đầu tư, cơ quan thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép quy hoạch có trách nhiệm xem xét hồ sơ, tổ chức lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về Giấy phép quy hoạch, trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép quy hoạch. Đối với dự án đầu tư xây dựng quy định tại Khoản 3, 4 Điều 4 của Quy định này, trong quá trình thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép quy hoạch, cơ quan thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép quy hoạch phối hợp với UBND xã, phường, thị trấn tổ chức lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư có liên quan về nội dung Giấy phép quy hoạch. Thời gian giải quyết hồ sơ cấp Giấy phép quy hoạch không quá 45 ngày kể từ khi nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó, thời gian để cơ quan có thẩm quyền xem xét thẩm định hồ sơ và lấy ý kiến các cơ quan liên quan là không quá 30 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, thời gian để cơ quan có thẩm quyền xem xét và cấp Giấy phép quy hoạch không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ từ cơ quan thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép quy hoạch. Các cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời cơ quan thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép quy hoạch chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan thẩm định. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình quy định tại Khoản 3, 4 Điều 4 của Quy định này, UBND xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư có liên quan và có văn bản tổng hợp ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư để gửi cho cơ quan thẩm định chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan thẩm định. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà cơ quan thẩm định chưa nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, văn bản tổng hợp ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư, thì xem như thống nhất với ý kiến của cơ quan thẩm định.

Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung quy định tại Quy định này, nội dung Giấy phép quy hoạch bao gồm: Chủ đầu tư; phạm vi, ranh giới, quy mô đất đai, dân số khu vực quy hoạch đô thị; các chỉ tiêu sử dụng đất về nhà ở, dịch vụ thương mại, công trình hạ tầng xã hội, cây xanh, giao thông, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị cho toàn khu vực quy hoạch, các yêu cầu về tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan, môi trường, các yêu cầu về chỉ tiêu và công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật đô thị làm cơ sở chủ đầu tư lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1:500 hoặc lập bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng, lập dự án đầu tư xây dựng công trình; thời hạn của Giấy phép quy hoạch. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình quy định tại Khoản 3, 4 Điều 4 của Quy định này, nội dung Giấy phép quy hoạch bao gồm: Chủ đầu tư; phạm vi, ranh giới, quy mô (diện tích, dân số,…) khu vực quy hoạch đô thị; các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị về tầng cao xây dựng, hệ số sử dụng đất, mật độ xây dựng đối với khu đất, các yêu cầu về kiến trúc công trình, môi trường, các yêu cầu về chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật đô thị và các yêu cầu khác làm cơ sở chủ đầu tư lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1:500 hoặc lập bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng (đối với dự án đầu tư xây dựng công trình không phải lập quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1:500 theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị), lập dự án đầu tư xây dựng công trình; thời hạn của Giấy phép quy hoạch.

Trong trường hợp cần thay đổi nội dung trong Giấy phép quy hoạch về các chỉ tiêu quy hoạch, thời hạn…, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, cấp lại Giấy phép quy hoạch. Không điều chỉnh và gia hạn Giấy phép quy hoạch.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.binhduong.gov.vn)

Quyết định số 27/2013/QĐ-UBND của UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quy định phân cấp quản lý chiếu sáng đô thị và các hoạt động liên quan đến chiếu sáng đô thị

Ngày 12/12/2013, UBND thành phố Cần Thơ đã có Quyết định số 27/2013/QĐ-UBND ban hành Quy định phân cấp quản lý chiếu sáng đô thị và các hoạt động liên quan đến chiếu sáng đô thị.

Theo Quy định này, hệ thống chiếu sáng đô thị là một bộ phận của hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, được quản lý thống nhất và có sự phân công, phân cấp trách nhiệm, quyền hạn cụ thể giữa cơ quan quản lý chuyên ngành, chính quyền địa phương các cấp và các đơn vị có liên quan. Hoạt động chiếu sáng đô thị phải thực hiện theo các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành của ngành Xây dựng, Điện lực, Giao thông và các ngành khác có liên quan đảm bảo an toàn, mỹ quan đô thị, bảo vệ môi trường và tiết kiệm điện. Khi lập quy hoạch chung xây dựng đô thị, quy hoạch chi tiết khu đô thị, khu dân cư, dự án xây dựng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình giao thông phải thiết kế hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị theo Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam, tiêu chuẩn kỹ thuật và các quy định hiện hành. Việc xây dựng, cải tạo công trình chiếu sáng đô thị trên địa bàn thành phố phải phù hợp với quy hoạch đô thị và quy hoạch chiếu sáng đô thị được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; tuân thủ quy định về quản lý đầu tư và xây dựng công trình. Việc quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị cần tuân theo quy định, quy trình kỹ thuật về chiếu sáng đảm bảo an toàn, tiết kiệm điện, phòng chống cháy nổ, bảo vệ hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị, vận hành và điều chỉnh thời gian tắt mở đèn đúng quy định; sử dụng nguồn điện cấp cho hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị đúng mục đích.

Về nguyên tắc, các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo vệ hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và báo cho cơ quan có thẩm quyền các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ, sử dụng hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị. Các thành phần kinh tế đều được tham gia đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng đô thị theo quy định của pháp luật. UBND thành phố khuyến khích sử dụng thiết bị chiếu sáng hiệu suất cao, thiết bị chiếu sáng sử dụng nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo.

Quy hoạch hệ thống chiếu sáng đô thị, phải phù hợp với yêu cầu, mục tiêu của quy hoạch đô thị tuân thủ theo Điều 9, 10 và 11 Nghị định số 79/2009/NĐ-CP. Sở Xây dựng có nhiệm vụ tổ chức lập, thẩm định và quản lý quy hoạch hệ thống chiếu sáng đô thị theo quy định pháp luật hiện hành. Chủ đầu tư dự án khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu dân cư, công trình giao thông phải tuân thủ quy hoạch hệ thống chiếu sáng đô thị được phê duyệt. Trường hợp chưa có quy hoạch hệ thống chiếu sáng đô thị thì chủ đầu tư dự án phải thỏa thuận với Sở Xây dựng bằng văn bản. Căn cứ quy hoạch đô thị, quy hoạch chiếu sáng, kế hoạch phát triển chiếu sáng đô thị của thành phố, yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương, UBND cấp huyện lập kế hoạch đầu tư, phát triển chiếu sáng công cộng đô thị hàng năm theo phân cấp, gửi Sở Xây dựng góp ý. UBND cấp huyện phê duyệt chủ trương và kế hoạch hỗ trợ đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cùng cấp và cơ chế huy động vốn đóng góp từ cộng đồng dân cư trong việc xây mới, cải tạo và nâng cấp hệ thống chiếu sáng đường, hẻm trong đô thị.

Thiết kế chiếu sáng đô thị phải tuân thủ theo

quy hoạch, quy định, quy chuẩn kỹ thuật, bảo đảm các yếu tố trang trí, mỹ quan, phù hợp với chức năng của công trình hoặc từng khu vực được chiếu sáng, có các giải pháp sử dụng nguồn sáng, thiết bị chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện. Đối với các tuyến đường, khu vực mới chưa có quy hoạch đô thị được phê duyệt, việc đầu tư xây dựng hệ thống chiếu sáng đô thị phải có ý kiến của Sở Xây dựng.

Đối với công trình giao thông, thiết kế chiếu sáng vỉa hè, đường giao thông, hầm đường bộ, cầu và đường trên cao, nút giao thông tuân theo quy định tại Quy chuẩn Việt Nam QCVN 07:2010/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, đảm bảo an toàn giao thông và mỹ quan đô thị, phòng chống cháy nổ; sử dụng bóng đèn, cột đèn có hình dáng, kích thước phù hợp với không gian kiến trúc và cảnh quan môi trường xung quanh, đảm bảo các thông số kỹ thuật tuân theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành; chiếu sáng trên cầu và đường trên cao phải tính toán sử dụng đèn chiếu sáng tương đồng với chiếu sáng của phần đường nối tiếp với cầu, sử dụng những loại đèn tránh gây lóa, an toàn và đảm bảo tính dẫn hướng đối với đối tượng tham gia giao thông. Đối với đường hẻm, đường liên khu vực, thiết kế chiếu sáng có quy mô phù hợp với quy mô của đường, chiều cao hợp lý, sử dụng nguồn sáng tiết kiệm điện, an toàn, mỹ quan đô thị, đèn ở các vị trí góc được vận hành một chế độ; khi lắp dựng cột mới phải đảm bảo an toàn giao thông, mỹ quan đô thị và theo thiết kế được duyệt. Đối với dự án cải tạo hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị, cải tạo hạ tầng kỹ thuật đô thị có ảnh hưởng đến hệ thống chiếu sáng hiện hữu phải có ý kiến thỏa thuận của Sở Xây dựng.

Việc thiết kế chiếu sáng công viên, vườn hoa phải phù hợp với cảnh quan kiến trúc, thiết kế đô thị và đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật, cột đèn chiếu sáng, nguồn sáng phải làm tăng giá trị cảnh quan không gian kiến trúc và đảm bảo yêu cầu quản lý vận hành bảo trì sửa chữa. Khi thiết kế chiếu sáng công viên vườn hoa cần tính toán và bố trí tủ cấp điện cho chiếu sáng trang trí, lễ hội theo quy hoạch được phê duyệt hoặc yêu cầu của UBND thành phố. Chiếu sáng quảng trường phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn chiếu sáng cao hơn tiêu chuẩn chiếu sáng đường từ 10% - 20%, độ chói mặt đường yêu cầu không nhỏ hơn mặt các đường chính dẫn vào quảng trường. Thiết kế chiếu sáng quảng trường đồng bộ với chiếu sáng mặt ngoài công trình và thiết kế chiếu sáng trang trí khu vực phục vụ lễ hội theo Quy định này. Công trình kiến trúc, xây dựng, công trình di tích lịch sử, văn hóa, thể thao, tháp truyền hình, ăng ten thu, phát sóng đặt tại vị trí tạo điểm nhấn của đô thị hoặc đặt tại vị trí ảnh hưởng trực tiếp đến bộ mặt kiến trúc và cảnh quan đô thị phải được chiếu sáng mặt ngoài hoặc một phần mặt ngoài. Thiết kế chiếu sáng mặt ngoài công trình phải phối hợp hài hòa các giải pháp chiếu sáng chung, đồng đều trên bề mặt công trình, chiếu sáng cục bộ để khắc họa chi tiết kiến trúc đặc thù, kết hợp với chiếu sáng không gian cây xanh, công trình xung quanh để tăng hiệu quả thẩm mỹ. Tòa nhà cao tầng có chiều cao ảnh hưởng đến hoạt động hàng không phải có đèn báo không theo Quy chế không lưu hàng không dân dụng của Bộ Giao thông vận tải. Tòa nhà cao tầng theo quy định phải thông qua Hội đồng Kiến trúc Quy hoạch thành phố thì phải có phương án thiết kế chiếu sáng mặt ngoài công trình. Hệ thống chiếu sáng mặt ngoài tòa nhà vận hành ở 2 chế độ: Chế độ ngày thường và chế độ ngày Chủ nhật, ngày Lễ, tương ứng với các công suất tiêu thụ khác nhau để đảm bảo thẩm mỹ và tiết kiệm điện. Thiết kế chiếu sáng quảng cáo, trang trí phải tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật, Luật Quảng cáo, quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 79/2009/NĐ-CP và các quy định liên quan. Thiết kế chiếu sáng khu vực phục vụ lễ hội phải đảm bảo phù hợp với tính chất, nội dung của lễ hội và cảnh quan kiến trúc đô thị cả ban ngày lẫn ban đêm; hệ

thống đèn trang trí phải đảm bảo an toàn, tiết kiệm để vận hành lâu dài; đảm bảo thuận tiện trong quá trình thi công lắp đặt và tháo dỡ.

Xây dựng các công trình chiếu sáng đô thị phải thực hiện theo đúng thiết kế đã được phê duyệt. Trong quá trình thi công phải đảm bảo an toàn, thuận tiện và tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng công trình. Trước khi thi công xây dựng, chủ đầu tư và đơn vị thi công phải hoàn tất các thủ tục xin phép xây dựng, thông báo biện pháp thi công, ngày khởi công đến UBND cấp xã để phối hợp thực hiện. Đơn vị thi công xây dựng công trình chiếu sáng đô thị phải đảm bảo an toàn cho hoạt động vận hành các tuyến dây, cáp của các công trình ngầm, nổi khác và đảm bảo an toàn giao thông trong suốt quá trình thi công.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.cantho.gov.vn)

Nghiệm thu Dự án sự nghiệp kinh tế: Điều tra, khảo sát tình hình sản xuất và sử dụng bê tông nhẹ và đề xuất kỹ thuật đảm bảo sự làm việc ổn định của chúng trong xây dựng nhà cao tầng trong điều kiện Việt Nam (Mã số: 08/2011/HĐ-SNKT)

Ngày 27/12/2013, tại Hà Nội, Hội đồng khoa học kỹ thuật chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu Dự án sự nghiệp kinh tế: "Điều tra, khảo sát tình hình sản xuất và sử dụng bê tông nhẹ và đề xuất kỹ thuật đảm bảo sự làm việc ổn định của chúng trong xây dựng nhà cao tầng trong điều kiện Việt Nam" do TS. Nguyễn Hùng Minh - Viện Khoa học công nghệ Xây dựng làm chủ nhiệm Dự án.

Thay mặt nhóm nghiên cứu, TS. Nguyễn Hùng Minh đã báo cáo tóm tắt kết quả của Dự án. Theo nội dung báo cáo, hiện nay ở Việt Nam có nhiều nhà máy sản xuất bê tông nhẹ như bê tông bọt, bê tông khí chưng áp (AAC), bê tông khí không chưng áp và các sản phẩm này đang được sử dụng cho nhiều công trình với khối lượng ngày một tăng. Bộ Xây dựng đã biên soạn và ban hành "Chỉ dẫn kỹ thuật thi công và nghiệm thu tường xây bằng gạch bê tông khí chưng áp" làm cơ sở quản lý kỹ thuật và kinh tế khi sử dụng vật liệu mới. Tuy nhiên kinh nghiệm sản xuất và việc ứng dụng bê tông này vào thực tế ở Việt Nam còn chưa nhiều, cần phải hoàn thiện chất lượng sản phẩm, quy trình thi công và nghiệm thu phù hợp với thực tế sản xuất và yêu cầu ngày càng tăng về chất lượng các công trình xây dựng. Mục tiêu của Dự án là thực hiện khảo sát hiện trạng sản xuất bê tông bọt, bê tông khí chưng áp và bê tông khí không chưng áp trong nước để tìm hiểu công nghệ sản xuất, chủng loại, chất lượng sản phẩm và tình hình sử dụng chúng trong các công trình xây dựng; khảo sát tình hình thi công, các tồn tại phát sinh trong quá trình sử dụng vật liệu xây dựng không nung bằng gạch bê tông nhẹ trong

Toàn cảnh Hội đồng nghiệm thu

các công trình xây dựng tại Việt Nam, từ đó đánh giá sơ bộ các nguyên nhân tồn tại để làm cơ sở nghiên cứu , đề xuất các giải pháp xử lý phù hợp trong quá trình thi công.

Kết quả khảo sát cho thấy: Công nghệ sản xuất bê tông khí không chưng áp tại Việt Nam khá đơn giản, đầu tư thiết bị ít, nhưng cần mặt bằng kho bãi lớn để bảo dưỡng sản phẩm đạt cường độ (28 ngày) mới có thể xuất xưởng. Công nghệ sản xuất bị ảnh hưởng nhiều bởi thời tiết, nên khó khống chế chất lượng sản phẩm (dung trọng và cường độ). Ngoài ra, sản phẩm bê tông này có chất lượng không đồng đều, có tính biến dạng lớn, việc nâng cao chất lượng, tính đồng nhất của sản phẩm bê tông khí là rất khó khăn; chỉ tiêu cường độ của bê tông khí không chưng áp thấp hơn nhiều so với bê tông khí chưng áp có cùng dung trọng, giá thành cao và có nhiều tồn tại khác làm hạn chế việc sử dụng chúng trong các công trình xây dựng. Hiện ở Việt Nam còn rất ít cơ sở sản xuất bê tông khí không chưng áp.

Công nghệ sản xuất bê tông bọt ở Việt Nam khá đơn giản, chi phí đầu tư thấp. Chất lượng

sản phẩm có độ dao động lớn do phụ thuộc vào chất lượng phụ gia tạo bọt mà hiện Việt Nam chưa sản xuất được sản phẩm phụ gia chất lượng cao. Đồng thời chỉ tiêu cường độ của bê tông bọt thấp hơn nhiều so với bê tông khí AAC có cùng dung trọng, cộng với chi phí sản xuất cao do sử dụng nhiều xi măng trong thành phần nguyên liệu sản xuất, nên bê tông bọt ít được sử dụng đại trà trong xây dựng. Để nâng cao chất lượng sản phẩm, tính đồng đều của các chỉ tiêu chất lượng, cần nghiên cứu làm chủ công nghệ sản xuất phụ gia tạo bọt chất lượng cao, để chủ động sản xuất và ứng dụng các sản phẩm bê tông bọt trong nhiều lĩnh vực xây dựng phù hợp.

Đối với sản phẩm gạch bê tông khí chưng áp cơ bản đã đáp ứng với các yêu cầu của TCVN 7959:2011. Tuy nhiên tính ổn định về cường độ, dung trọng, biến dạng nhiệt ẩm chưa ổn định nên đã ảnh hưởng đến chất lượng khối xây. Các sản phẩm gạch bê tông khí chưng áp sử dụng chủ yếu để xây tường chèn khung bê tông cốt thép bên trong và làm tường bao che cho nhà cao tầng, nhà công nghiệp và dân dụng khác. Thực tế, thi công xây tường bằng gạch blốc bê tông khí chưng áp sử dụng cả vữa xây chuyên dụng và vữa thường. Quy trình thi công cơ bản thực hiện theo "Chỉ dẫn kỹ thuật thi công và nghiệm thu tường xây bằng blốc bê tông khí chưng áp - Bộ Xây dựng, năm 2011". Tuy nhiên công tác lưu kho, bảo quản viên xây tại hiện trường chưa được thực hiện nghiêm túc; chưa chặt chẽ trong việc sử dụng các dụng cụ thi công chuyên dụng như khuyến cáo; cấu tạo khe dính tường, tiếp giáp với cột chưa được thi công đúng quy định… Đồng thời, nhóm khảo sát cũng nhận thấy, tường xây chèn khung bê tông cốt thép bằng gạch AAC đảm bảo tính ổn định kết cấu. Tuy nhiên các tồn tại trong sản xuất, thiết kế khối xây lại không tuân thủ chặt chẽ theo khuyến cáo khi thi công, dẫn đến nhiều vấn đề về tường xây bằng gạch AAC như nứt tường (nứt xuyên tường) sau khi xây, nứt vữa trát tường sau một thời gian sử dụng. Chính những vấn đề này đã làm hạn chế việc sử dụng rộng rãi gạch AAC trong xây dựng.

Trên cơ sở những tồn tại nêu trên, nhóm đề tài đã đề xuất các kiến nghị trong sản xuất, thi công sử dụng và sửa chữa nhằm nâng cao chất lượng tường. Cụ thể, cần nâng cao tính ổn định chất lượng gạch blốc AAC bằng cách cải tiến quy trình công nghệ sản xuất phù hợp với nguyên liệu của Việt Nam; nâng cao mức độ cơ khí hóa, tự động hóa sản xuất, ổn định chất lượng nguyên liệu đầu vào để ổn định chất lượng sản phẩm gạch blốc AAC; bổ sung quy định đặt chi tiết cấu tạo khe co giãn đối với tường xây chèn có chiều dài > 4 m; bổ sung quy định đặt chi tiết cấu tạo chống nứt tại điểm tiếp giáp của gạch AAC với cột hoặc với vật liệu xây khác... Đối với hiện tượng nứt lớp vừa trát trên tường xây bằng blốc bê tông nhẹ, tuy không ảnh hưởng nhiều đến độ bền chịu lực của kết cấu công trình, nhưng lại gây mất mỹ quan công trình. Để khắc phục tồn tại này, nhóm đề tài đã nghiên cứu giải pháp sửa chữa nứt vữa trát bằng cách sử dụng sơn đàn hồi gốc xi măng polymer.

Các thành viên trong Hội đồng đều đánh giá cao nội dung cũng như nỗ lực của nhóm nghiên cứu Dự án. Tuy nhiên, nhóm nghiên cứu cần sửa lại các mục, hình vẽ sao cho logic, đồng thời trong báo cáo cần nêu rõ các tiêu chí, thông tin tại các công trình sản xuất, thi công, từ đó mới có cơ sở đánh giá được chất lượng và các nguyên nhân xảy ra trong quá trình xây dựng.

Theo kết luận của Chủ tịch Hội đồng Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN & MT, nhóm nghiên cứu phải sửa đổi, bổ sung nội dung theo ý kiến góp ý của các thành viên trong Hội đồng, và sửa lại mô hình tính toán khối xây sao cho chuẩn xác, loại bỏ những hình ảnh thuyết minh không cần thiết, trình bày lại kết luận và kiến nghị để Dự án được hoàn thiện.

Dự án đã được Hội đồng nhất trí nghiệm thu và xếp loại Khá.

Bích Ngọc

Hội nghị nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học công nghệ: "Xây dựng danh mục hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn sử dụng kính trong công trình xây dựng" và "Xây dựng cẩm nang hướng dẫn sử dụng kính trong công trình xây dựng"

Ngày 09/01/2014, Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị nghiệm thu các nhiệm vụ KHCN "Xây dựng danh mục hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn sử dụng kính trong công trình xây dựng" và "Xây dựng cẩm nang hướng dẫn sử dụng kính trong công trình xây dựng" do Trường Cao đẳng nghề Viglacera thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN & MT Bộ Xây dựng - Chủ tịch Hội đồng KHCN - chủ trì Hội nghị.

Báo cáo về đề tài "Xây dựng danh mục hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn sử dụng kính trong công trình xây dựng", KS Trần Quốc Thái - Chủ nhiệm đề tài cho biết, với những đặc tính nổi trội, kính đã trở thành loại vật liệu được sử dụng phổ biến trong các công trình kiến trúc hiện đại. Để xây dựng được những công trình kiến trúc bằng kính hiện đại, sáng tạo, đảm bảo an toàn cho người sử dụng, các nước Âu, Mỹ đã phát triển một hệ thống tiêu chuẩn đầy đủ, trong đó quy định rõ quy cách tiêu chuẩn của từng sản phẩm kính xây dựng, quy cách tiêu chuẩn của các sản phẩm liên quan đến lắp dựng kính (gioăng, chất trám, khung nhôm…) và các tiêu chuẩn quy định quy trình lắp dựng kính đảm bảo an toàn, tiết kiệm năng lượng và tuân thủ quy định về phòng cháy.

Theo KS. Trần Quốc Thái, với sự xuất hiện ngày càng nhiều của những công trình kiến trúc quy mô lớn ở Việt Nam như tòa nhà Keangnam Landmark Tower, Grand Plaza (Hà Nội), Bitexco Tower, Saigon Times Square (Tp. Hồ Chí Minh), việc hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn cho kính xây dựng từ khâu sản xuất đến khâu lắp dựng là hết sức cần thiết. Hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn này sẽ giúp cho các chủ đầu tư, tư vấn thiết kế, nhà thầu, tư vấn giám sát có cơ sở pháp lý và những hướng dẫn cụ thể trong việc lựa chọn, thiết kế, lắp đặt và thẩm định các kết cấu có liên quan đến kính xây dựng trong các tòa nhà cao tầng.

KS. Trần Quốc Thái báo cáo tại Hội nghị

Thực hiện đề tài "Xây dựng danh mục hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn sử dụng kính trong công trình xây dựng", nhóm nghiên cứu đã tiến hành thu thập các tài liệu liên quan đến danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn của quốc tế, hệ thống hóa các danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn, phân loại theo các tiêu chí hợp lý để xây dựng một hệ thống danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn hoàn thiện. Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu cũng đã tiến hành biên soạn Dự thảo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia sử dụng kính trong công trình xây dựng" trình Hội đồng nghiệm thu của Bộ Xây dựng xem xét, thông qua và sớm công bố để áp dụng trong thực tiễn.

Về đề tài "Xây dựng cẩm nang hướng dẫn sử dụng kính trong công trình xây dựng", KS. Trần Quốc Thái cho biết, qua nghiên cứu lịch sử phát triển công nghệ sản xuất kính xây

dựng, công nghệ gia công và lắp dựng kính, tham khảo và lấy ý kiến các chuyên gia liên quan, nhóm nghiên cứu đã hoàn thành biên soạn "Cẩm nang hướng dẫn sử dụng kính trong công trình xây dựng". Đây là một tài liệu tham khảo rất hữu ích đối với các kỹ sư, kiến trúc sư nâng cao kiến thức về sử dụng kính, các lợi ích khi sử dụng kính, các kỹ thuật lắp dựng kính hiệu quả. Các nội dung cơ bản như đặc tính của kính, khả năng chịu tải, đặc tính nhiệt, độ truyền âm, chống cháy…, phương pháp lựa chọn hệ lắp kính, những lưu ý trong thiết kế và thi công cũng được nêu trong Cẩm nang này. Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu cũng đã tham chiếu các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn của Việt Nam và giới thiệu các tài liệu tiêu chuẩn, quy chuẩn của nước ngoài để người đọc tham khảo và áp dụng đối với những vấn đề mà tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam chưa có quy định.

Về các kết quả thực hiện đề tài "Xây dựng danh mục hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn sử dụng kính trong công trình xây dựng", TS. Trần Bá Việt - Phó Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng - Bộ Xây dựng - Ủy viên phản biện của Hội đồng đánh giá cao những nỗ lực của nhóm nghiên cứu trong việc thống kê, tổng hợp, phân tích và đánh giá các hệ thống tiêu chuẩn của nước ngoài và đề xuất một hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn sử dụng kính trong các công trình xây dựng của Việt Nam. Tuy nhiên, theo TS. Trần Bá Việt, việc sử dụng kính trong các công trình xây dựng hiện nay rất đa dạng, ví dụ như các kết cấu mái kính, cầu thang kính, sàn kính, trong khi Việt Nam cũng chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn về các loại kết cấu đó để giúp cho quá trình kiểm tra, nghiệm thu, do đó đề nghị Bộ Xây dựng tiếp tục lập các nhiệm vụ KHCN mới để nghiên cứu vấn đề này.

Theo KS. Nguyễn Văn Bắc - Phó Vụ trưởng Vụ VLXD - Bộ Xây dựng, trong thực tế những năm gần đây, mức độ sử dụng kính trong các công trình xây dựng rất cao, trong khi Việt Nam chưa có quy chuẩn về sử dụng kính trong công trình xây dựng. Chính vì vậy việc hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn sử dụng kính trong công trình xây dựng là hết sức cần thiết.

Đối với đề tài "Xây dựng cẩm nang hướng dẫn sử dụng kính trong công trình xây dựng", các thành viên Hội đồng đều đánh giá đây là tài liệu tham khảo rất tốt đối với các chủ đầu tư, đơn vị tư vấn thiết kế và nhà thầu thi công về việc thiết kế, lựa chọn và sử dụng kính cho công trình xây dựng.

Phát biểu tổng hợp các ý kiến của Hội đồng và kết luận, TS. Nguyễn Trung Hòa đánh giá cao sự nghiêm túc, công phu và tâm huyết của nhóm tác giả thực hiện các đề tài, đồng thời đề nghị nhóm tác giả tiếp thu các ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng trong việc bổ sung mã số, tên tiêu chuẩn tham chiếu của Việt Nam; Dự thảo Quy chuẩn sử dụng kính trong công trình xây dựng cần bố cục lại theo mẫu của Quy chuẩn; Cẩm nang hướng dẫn sử dụng kính trong xây dựng là một tài liệu tốt, nhóm nghiên cứu có thể phối hợp với Hiệp hội Kính và Thủy tinh Việt Nam xuất bản thành sách để phục vụ cho xã hội.

TS. Nguyễn Trung Hòa đánh giá nhóm nghiên cứu đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ KHCN theo hợp đồng với Bộ Xây dựng, được Hội đồng nhất trí nghiệm thu với kết quả xếp loại Khá.

Minh Tuấn

Hội nghị Quốc tế lần 1 về Sự bền vững của bê tông

Sự bền vững là vấn đề quan trọng có tính toàn cầu trong thế kỷ XXI. Các ngành công nghiệp của tất cả các quốc gia đều nỗ lực hành động nhằm đạt được sự phát triển bền vững.

Hội nghị Quốc tế lần 1 về Sự bền vững của bê tông được tổ chức từ ngày 27 đến 29 tháng

5 năm 2013 ở Tokyo, Nhật Bản đã tạo ra một diễn đàn nhằm khuyến khích sự phát triển bền vững và bàn về tương lai của bê tông bằng việc trao đổi những thông tin mới nhất, những công nghệ và ý tưởng sáng tạo nhất về sự bền vững của bê tông. Các nhà lãnh đạo, nhà nghiên cứu bê tông, các chuyên gia về xây dựng xanh từ 37 quốc gia đã tham dự hội nghị này.

Đơn vị tổ chức là Viện Bê tông Nhật Bản (JCI) đã nhận được sự hỗ trợ của Viện Bê tông Mỹ (ACI) và nhiều tổ chức khác về bê tông trên thế giới.

Ông Koji Sakai - Chủ tịch Ban Bền vững của bê tông thuộc JCI đã phát biểu khai mạc hội nghị. Ông nhấn mạnh thảm hoạ động đất - sóng thần xảy ra tháng 3 năm 2011 ở Nhật Bản đã khiến cho người Nhật và các dân tộc khác trên thế giới phải thay đổi cách nghĩ về sự bền vững của bê tông.

Ngoài những báo cáo của các lãnh đạo, có 153 báo cáo được trình bày tại Hội nghị về các chủ đề: Công nghệ bền vững/thông khí CO_2 và các hỗn hợp tro bay khối lớn; Sự bền vững; ăn mòn và cácbonat hoá; Các tấm và mặt đường bê tông; Các chất pudơlan và các chất kết dính geopolymer; Bê tông tự đầm (SCC) và các cốt liệu tái chế; Sửa chữa và phục hồi; Thiết kế và tính năng.

Những báo cáo được thưởng gồm: "Những tác động môi trường do việc sửa chữa kết hợp nhằm kéo dài tuổi thọ của các công trình bê tông trong môi trường biển"- tác giả Aruz Petcherdchoo; Báo cáo nhận giải thưởng ứng dụng kỹ thuật cao nhất là "Những ảnh hưởng nâng cao độ bền vững của bê tông bằng bảo dưỡng rèm nước và ứng dụng của nó" của các tác giả Seishi Shiraiwa, Kazuto Fukudome, Atsushi Saito và Toshinari Hayashi; và báo cáo "Khai thác tiềm năng của SCC phân cấp theo chức năng đối với sự phát triển các giải pháp bê tông bền vững" của các tác giả Viet D. Nguyen và Olga Rio được giải thưởng Nhà nghiên cứu trẻ tốt nhất.

Những báo cáo trên và một số báo cáo nổi bật dưới đây đã được chọn để đăng trong tạp chí "Công nghệ bê tông tiên tiến" của Nhật Bản, gồm: "Làm cách nào để bê tông bền vững hơn" - tác giả Harald Justness; "Phân tích nhiệt hấp thụ CO_2 bởi bê tông phế thải đập nhỏ ngoài hiện trường" - tác giả Taro Kanda; "Nghiên cứu cơ bản về tái chế cốt liệu nhỏ chất lượng thấp sử dụng nước phân tán - nano cácbonat hoá" - tác giả Hansic Kim; "Phát triển và ứng dụng các composite xi măng khối lượng nhẹ" - tác giả Sukmin Kwon; "Sự bền vững và các tính chất cơ học của bê tông xỉ kiềm hoạt tính trong thời gian lâu dài" - tác giả Aric Wardhome; "Ảnh hưởng của vùng (zone) tiếp giáp bề mặt lên các tính chất vận chuyển của bê tông xi măng pooc-lăng" - tác giả Kai Wu; và "Lọc sạch nước sông bằng các sản phẩm bê tông rỗng" - tác giả Rihong Zhang.

Nguồn: Tạp chí Concrete International, Mỹ Số tháng 11/2013.

ND: Đinh Bá Lô

Những vật liệu xây dựng an toàn về mặt sinh thái

Tính an toàn của các loại vật liệu xây nhà hiện nay là một trong những chủ đề nóng của ngành Xây dựng. Sống trong một ngôi nhà hiện đại với đầy đủ tiện nghi, có thiết kế hợp lý, trang trí nội thất đẹp chưa hẳn đã thật sự an toàn. Chính trong những ngôi nhà đó, nguy cơ tiềm ẩn đe dọa sức khỏe con người có thể xuất hiện bất cứ lúc nào, mà chủ yếu xuất phát từ các loại vật liệu và kết cấu xây dựng.

Tại sao lại là những ngôi nhà hiện đại? Bởi vì trong xây dựng luôn tồn tại quá trình đổi mới và hiện đại hóa. Những kết cấu xây dựng mới, các công nghệ tiên tiến, các vật liệu mới thường được ứng dụng trong quá trình thi công các ngôi

nhà hiện đại. Bài báo này đề cập tới những vật liệu xây dựng an toàn cũng như các biện pháp bảo đảm an toàn khi áp dụng các vật liệu tiềm tàng nhiều nguy cơ trong xây dựng.

Người Nga hẳn chưa thể quên thảm họa xảy ra tại thành phố Perm (Nga) cách đây ít lâu, mà lý do chính là việc sử dụng vật liệu xây dựng không đúng cách khiến các ngôi nhà thải ra khí phooc-ma-đê-hit (phooc-môn). Tương tự như vậy, cư dân thị trấn Usol cũng có những ký ức không mấy tốt đẹp khi các ngôi nhà nơi họ sinh sống "thở" ra bầu không khí độc hại.

Đâu là giải pháp cho tình trạng nêu trên? Các nhà xây dựng luôn mong muốn kiến tạo những công trình mới, nhanh và đẹp, bảo đảm an toàn tối đa cho sinh hoạt của con người ở bên trong. Các hiện tượng phổ biến như giá lạnh, nóng bức, rò rỉ nước, chất thải độc hại từ tường nhà, hỏa hoạn… không còn là mối đe dọa đối với cuộc sống hàng ngày của người dân.

Taumalit là gì? Có lẽ, ít người biết hoặc nghe đến từ này. Đó là cách gọi loại vật liệu đã, đang và sẽ được ứng dụng để xây nhà cao hoặc thấp tầng. Taumalit là loại composit có khả năng đông cứng nhanh, được sản xuất theo công nghệ đặc biệt trên cơ sở chất kết dính thạch cao và các cốt liệu hữu cơ có nguồn gốc tự nhiên, kết hợp với một lượng nhỏ xi măng pooc-lăng và phụ gia, có khối lượng riêng từ 800 - 1.400 kg/m^3; ngưỡng cường độ nén dao động trong khoảng 2,5 - 25 MPa. Đây là loại vật liệu năng lượng hiệu quả và an toàn về mặt sinh thái.

Mọi việc bắt đầu từ thập kỷ 80 của thế kỷ XX - GS.TS. Fris Alknis thuộc Viện nghiên cứu khoa học Latvia đã nghiên cứu việc ứng dụng nguồn tài nguyên vật liệu thứ cấp vào thi công xây dựng - đó là nguồn phế thải của các ngành sản xuất, các cơ sở sản xuất công nghiệp - nông nghiệp - lâm nghiệp… - và đi tới kết luận: Mạt gỗ sẽ là giải pháp rất hợp lý nếu được nghiền và sử dụng làm cốt liệu bổ sung cho bê tông thạch cao. Tuy nhiên, mối quan tâm của các nhà xây dựng Nga thời kỳ này lại dành cho xi măng pooc-lăng (vốn được coi là vật liệu chủ đạo trong xây dựng lắp ghép). Việc từ chối ứng dụng thạch cao làm các kết cấu tường ngăn trong xây dựng khiến vị trí cũng như chất lượng loại vật liệu này bị đánh giá thấp. Kết quả là hiện nay tại Nga, thạch cao sử dụng trong xây dựng được sản xuất với chất lượng tương đối thấp và không thể được coi là vật liệu xây tường. Ngược lại, ở nhiều nước trên thế giới, thạch cao lại được sử dụng chủ yếu trong các kết cấu xây nhà. Thạch cao cùng với các vật liệu cách nhiệt bảo đảm tính năng cách nhiệt cao của các kết cấu bao che, duy trì rất tốt chế độ nhiệt, độ ẩm trong các căn phòng, đồng thời tính cách âm cũng rất tốt.

Thạch cao là loại vật liệu có khả năng duy trì mức ổn định sinh thái của không gian bên trong các tòa nhà. Loại vật liệu này có thể "thở", triệt tiêu độ ẩm dư thừa, phát tán chúng vào bầu không khí xung quanh. Hơn nữa, thạch cao có tính truyền ẩm rất cao, gấp hai lần so với gạch ceramic. Tức là, khi nhiễm ẩm, thạch cao sẽ khô nhanh hơn 2 lần - cường độ của thạch cao nhiễm ẩm nhỏ hơn hai lần so với thạch cao khô. Còn cường độ của gạch ceramic khi nhiễm ẩm sẽ giảm chỉ khoảng 15 -20%. Tuy nhiên, trong suốt mùa ẩm ướt, thạch cao thấm nước không nhiều hơn 10 - 20 mm. Vào mùa khô, thạch cao sẽ khô rất nhanh, độ ẩm dư thừa không bị lưu lại. Trong khi đó, gạch ceramic không kịp khô trong mùa khô, độ ẩm trong đó tích tụ theo thời gian, bởi vậy các đặc tính giữ nhiệt của gạch bị suy giảm mạnh. Tường thạch cao trung bình duy trì nhiệt hiệu quả gấp 2,5 lần so với tường gạch có cùng bề dày.

Thạch cao là vật liệu chống cháy, khó bắt lửa, và không có chất độc hại nào trong thành phần. Hơn nữa, thạch cao là chất khử trùng hữu hiệu, do đó tăng cường khử độc cho không khí trong các căn phòng. Thạch cao không có mùi.

Các tính toán cho thấy giá thành tường xây của một ngôi nhà có diện tích 100 m^2 bằng khối thạch cao sẽ thấp hơn từ 5 - 7 lần so với tường

gạch ceramic. Bên cạnh đó, tường thạch cao nhẹ hơn tường gạch 1,5 lần; từ đó chi phí xây móng có thể giảm đi.

Sản xuất thạch cao tiết kiệm hơn so với sản xuất xi măng pooc-lăng, bởi vì dung tích năng lượng cho 1 tấn thạch cao chỉ bằng 1/4 so với năng lượng dành cho 01 tấn xi măng pooc-lăng.

Những năm gần đây, nhiều ý kiến về nguy cơ sinh thái của thạch cao trong xây dựng đã xuất hiện; song thiếu cơ sở khoa học. Cần nhớ rằng thạch cao là sulfat, mà sulfat thì không hề có hại đối với con người. Trên thực tế, sulfat luôn hiện hữu trong nước uống, và con người tiếp nhận vào cơ thể mỗi ngày. Chính sulfat canxi đã tạo nên độ cứng của nước. Tại Perm, tất cả nước giếng và nước nguồn đều có sulfat canxi, người dân khu vực này bao đời nay đã sinh hoạt bằng thứ nước đó và không phát hiện sự độc hại nào đối với sức khoẻ. Việc ứng dụng thạch cao làm vật liệu xây dựng, hay dưới dạng các chế phẩm, kết cấu xây dựng hầu như không gây rắc rối về mặt sinh thái.

Tính chịu nước thấp của thạch cao sẽ được bù lại khi thêm một lượng phụ gia vào thành phần. Một trong những phụ gia đó là xi măng pooc-lăng xỉ. Tại làng Krasnyi Iasyl, nhiều ngôi nhà một tầng được xây bằng thạch cao từ 15 năm trước, và người dân sống trong những ngôi nhà đó đều cho rằng họ cảm thấy ở trong nhà rất thoải mái, không khác gì ở trong những ngôi nhà gỗ truyền thống.

Giáo sư F. Alknis đã dày công nghiên cứu thành phần bê tông thạch cao, trong đó kết hợp mọi ưu điểm của thạch cao, gỗ nghiền và xi măng pooc-lăng xỉ. Vật liệu mới có tên gọi taumalit, giống tên một khoáng chất theo tiếng latin là taumasit (có nghĩa là "kinh ngạc") bởi vì thành phần hóa học bất thường của nó gồm một số liên kết khác nhau. Công thức hóa học của nó là $Ca_3Si(OH)_6(SO_4)(CO_3)$. Taumalit có trong thành phần tất cả các liên kết này.

Trong tất cả các vật liệu có thạch cao trong thành phần, taumalit là loại duy nhất dưới tác động của nước hầu như không thay đổi các tính chất cơ lý, và tiếp tục kết cứng. Khác với các vật liệu xi măng, taumalit dưới tác động của quá trình cácbon hóa - tương tác với cacbon dioxit từ bầu khí quyển xung quanh - không bị phá vỡ cấu trúc, mà ngược lại, tiếp tục nâng cao các đặc tính về mặt kết cấu cơ của mình.

Taumalit được sản xuất bằng cách trộn thạch cao với phoi gỗ nghiền, xi măng pooc-lăng xỉ và phụ gia đặc biệt giữ cho thành phần gỗ không bị mục nát. Phương pháp này rất khoa học và tiết kiệm.

Các panel từ taumalit không có cốt kim loại, do vậy khối lượng giảm, quá trình sản xuất được đơn giản hóa, dẫn tới giá thành xây dựng giảm. Một điều cũng không kém phần quan trọng nữa là dù không có cốt, các panel cũng không làm thay đổi các tính chất vốn đã rất quen thuộc với con người. Các panel này có thể ứng dụng xây nhà một hoặc nhiều tầng. Một doanh nhân của thành phố Perm - ông V. Lyskov - từ những năm 80 của thế kỷ XX đã rất quan tâm tới phát minh của giáo sư F. Alknis. Thông hiểu các ưu điểm của taumalit, ông đã tổ chức một dây chuyền sản xuất các tấm tường từ loại vật liệu này tại thành phố quê hương. Trong hơn hai thập kỷ qua, ông đã hoàn thiện thành phần vật liệu và kết cấu các tấm panel. Kết quả nghiên cứu của ông cho thấy: Có thể tăng cường các đặc tính cách âm và cách nhiệt của các panel bằng taumalit nếu đưa vào panel tấm đệm bằng xi măng fibro. Thậm chí có thể thay thế mạt gỗ bằng phế thải rẻ tiền hơn, không cần nghiền vụn của công nghệ sản xuất giấy. Perm là thành phố công nghiệp giấy nên đây quả là một thuận lợi rất lớn. Hiện nay, một nhà máy sản xuất taumalit công suất lớn đã được xây dựng và đang hoạt động hiệu quả tại Perm.

B. Batalin

Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 33 (ngày 16/8/2013)

ND: Lệ Minh

"Ngôi nhà mặt trời" - Vấn đề đầu tư cho xây dựng sinh thái của Nga

Từ ngày 01/3/2013, tiêu chuẩn xanh quốc gia đầu tiên của Nga - GOST P 54964 - 2012 "Đánh giá sự phù hợp. Các yêu cầu sinh thái đối với công trình bất động sản" bắt đầu có hiệu lực. Tiêu chuẩn này được nghiên cứu biên soạn trong vòng 3 năm, từ năm 2009 tới năm 2012. Tiêu chuẩn bao gồm những yêu cầu tối thiểu về mặt sinh thái đối với các công trình bất động sản, đồng thời việc ban hành tiêu chuẩn là bước đầu tiên trong việc thiết lập trên phạm vi cả nước một hệ thống tiêu chuẩn tổng hợp bảo đảm an toàn sinh thái khi thiết kế, xây dựng và khai thác các công trình bất động sản. Các tiêu chuẩn sinh thái quốc tế LEED, BREEAM, cũng như hệ thống chứng chỉ tự nguyện các công trình bất động sản trong nước ("Tiêu chuẩn xanh") là cơ sở biên soạn Tiêu chuẩn này.

Ngôi nhà có thể nhận chứng chỉ phù hợp trong giai đoạn thiết kế cũng như sau khi hoàn thiện thi công. Nó cần được xây dựng với chi phí thấp nhất, sử dụng nhiều năng lượng và ánh sáng tự nhiên nhất, được bố trí tại những khu vực xây dựng phức hợp, gần các khu vực cây xanh, thuận lợi cho người khuyết tật. Khi xây dựng ngôi nhà đó, cần sử dụng các vật liệu đặc biệt và ứng dụng các công nghệ năng lượng hiệu quả.

Các chuyên gia Bộ Phát triển vùng và Bộ Thiên nhiên Nga - các cơ quan góp phần vào sự ra đời của Tiêu chuẩn nêu trên - cho rằng: Việc "xanh hóa" sẽ tạo điều kiện xây dựng trong cả nước hệ thống tiêu chuẩn an toàn sinh thái hoàn chỉnh. Song thực tế không đơn giản như vậy. Tại Nga, luật không quy định bắt buộc ứng dụng các tiêu chuẩn quốc gia trong xây nhà. Văn bản thực tế mang tính chất hướng dẫn. Cho tới nay, ở Nga, mặc dù công tác tuyên truyền quảng bá khá rầm rộ, xây dựng xanh vẫn chưa phát triển mạnh mẽ. Trong cả nước, số công trình đủ tiêu chuẩn nhận chứng chỉ LEED và BREEAM không nhiều. Tại sao vậy? Một trong những nguyên nhân chủ yếu là người dân Nga chưa quan tâm tới việc sở hữu tài sản bất động sản "xanh", năng lượng hiệu quả. Họ chưa thực sự mong muốn chi trả cho tính sinh thái của ngôi nhà, vì giá cả - theo họ - không hợp lý. Phần lớn họ chưa nhận thức đúng một điều: trong một ngôi nhà sinh thái, sự tiết kiệm chỉ thể hiện rõ sau một thời gian dài sử dụng. Phí dịch vụ công hàng tháng trong một ngôi nhà "xanh" tư nhân có thể giảm 20% nhờ lượng điện, nước tiêu thụ và lượng rác thải được cắt giảm.

Xây nhà "xanh" giá thành sẽ cao hơn từ 10 - 30% so với xây nhà thông thường, chủ yếu do sử dụng các loại vật liệu đắt tiền, chi phí chuyên chở vật liệu từ nước ngoài về, mức thuế cao. Theo ông A. Poliakov, Chủ tịch Hội đồng xây dựng xanh Liên bang Nga - giá dự tính cho 01 m^2 nhà sinh thái do chính Hội đồng phối hợp với Quỹ nhà ở & công trình công cộng và Hiệp hội Xây dựng xanh vùng Tula xây dựng là 37 nghìn rúp; tổng giá thành được công bố cao hơn 13,5% so với mức giá xây dựng trung bình Bộ Phát triển vùng quy định (32 nghìn rúp).

Về giá thành của một ngôi nhà sinh thái, nhiều ý kiến cho rằng: Khi đánh giá cần xem xét toàn bộ vòng đời của ngôi nhà - từ khâu thiết kế, sản xuất vật liệu xây dựng, thi công, khai thác tới xử lý (phá dỡ). Những tiêu chí này được thể hiện đầy đủ trong hệ thống LEED và BREEAM. Hiện nay tại Nga, công tác thiết kế và xây dựng nhà sinh thái nói chung mới chỉ gói gọn trong các dự án mang tính thử nghiệm. Việc xây dựng đại trà các ngôi nhà sinh thái, nhất là những ngôi nhà được thực hiện bằng công nghệ xanh, trong tương lai gần là điều khó thực hiện. Trên thực tế, hiện nay nhà sinh thái chủ yếu do các đơn đặt hàng tư nhân, với địa điểm là các khu nhà cao cấp vùng ngoại ô, các làng sinh thái kiêm nghỉ dưỡng, các tổ hợp tại

vùng ngoại ô Moskva và trên bờ biển Đen. Việc thi công các công trình phục vụ Thế vận hội mùa đông Sochi 2014 theo công bố là phù hợp tiêu chuẩn sinh thái đã không tuân thủ rất nhiều nguyên tắc. Chỉ có 10 trong tổng số 218 công trình Thế vận hội được cấp chứng chỉ tiêu chuẩn xanh quốc tế.

Nước Nga trên thực tế không tự sản xuất những thiết bị cần thiết cho xây dựng xanh mà hầu hết phải nhập ngoại. Trong bối cảnh biểu thuế năng lượng ngày càng tăng, nhu cầu về thiết bị thu nhận năng và cung cấp nước nóng của Trung Quốc gia tăng. Các sản phẩm tương tự của Đức, Hàn Quốc đều đứng sau Trung Quốc về số lượng trên thị trường Nga. Nhật Bản mới đang tìm hiểu tiềm năng có thể của thị trường xây dựng xanh Nga, chưa coi đây là bạn hàng "hấp dẫn". Các vật liệu xây dựng đáp ứng những tiêu chuẩn nghiêm ngặt nhất chỉ chiếm một phân khúc rất nhỏ trên thị trường Nga, và đa phần là các sản phẩm của Đức, Phần Lan, Nhật Bản.

Tại New York (Mỹ), mật độ dân số cao vẫn có thể sinh sống tiện nghi, thoải mái. Và Nga cũng cần phải xây dựng những "đô thị vì người dân", chứ không phải đô thị vì thương mại, tức là cần trở về với chủ đề chính của phát triển bền vững về mặt sinh thái hướng tới các quần thể đô thị - mỗi cụm đô thị trong đó cần có diện mạo độc đáo; mạng lưới phố đi bộ có nhiều cây xanh và các khoảng không gian công cộng được mở rộng; ranh giới giữa thành phố và vùng ngoại ô cần phải xóa dần. Giao thông công cộng nói chung có thể kết nối toàn bộ các tiểu vùng trong từng đô thị, còn giữa các đô thị với nhau sẽ áp dụng tàu điện một ray. Nếu đi từ vĩ mô tới vi mô - ông A. Poliakov cho rằng - trong hệ thống chứng chỉ "ngôi nhà xanh" của Mỹ, các tòa nhà văn phòng công sở không bao giờ nhận được điểm số tối đa khi có bãi đỗ xe. Điều này cho thấy hạ tầng đô thị phát triển cho phép người dân tới nơi làm việc mà không cần sử dụng phương tiện cá nhân. Sự sụt giảm nhanh chóng lượng xe con trên các đường phố của nước Nga vừa cải thiện được hiện trạng môi trường sinh thái, vừa giúp giảm mức tội phạm nhờ số lượng người trên các đường phố ngày cũng như đêm đều đông đúc. Điều chủ yếu là các quy tắc mà Hội đồng xây dựng xanh thuộc Hiệp hội Kiến trúc sư Nga đề ra đã nhận được những phản hồi tích cực, quan trọng nhất là sự tham gia tích cực của cộng đồng nói chung, sự quan tâm của Nhà nước, và sự đồng cảm của người dân.

Ông A. Poliakov nhấn mạnh: Có hai giải pháp tiếp cận với khái niệm kiến trúc sinh thái bền vững. Trước hết, đó là sự tham gia tích cực của tất cả các nghiên cứu công nghệ tiên tiến nhất trong lĩnh vực hiệu quả năng lượng, quản lý thông minh tòa nhà vào kiến trúc tòa nhà. Giải pháp này làm tăng giá thành xây dựng, và đòi hỏi phải thường xuyên kiểm tra các trang thiết bị vốn luôn cần được cải tiến định kỳ. Công trình như vậy phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố và không thể được công nhận là bền vững, cho dù xét từ góc độ sinh thái đây đúng là một công trình "xanh". Cách tiếp cận thứ hai là ứng dụng các phương pháp hình khối không gian, kiến trúc có ảnh hưởng tới nhu cầu tiêu thụ năng lượng và tiết kiệm nguồn năng lượng, cũng như áp dụng tối đa các phương pháp tự nhiên chứ không phải cơ giới trong hoạt động mạng kỹ thuật. Ví dụ, tòa nhà có thể được làm mát về mùa hè nhờ hệ thống điều hòa; hệ thống này hoạt động không cần phụ thuộc nguồn điện mà có thể nhờ sự lưu thông tự nhiên của không khí trong các ống dẫn khí lắp đặt trong lòng đất lạnh bên dưới tòa nhà, hoặc dưới đáy hồ tích nước gần nhất. Phương pháp này không đòi hỏi các giải pháp công nghệ phức tạp, giá thành không cao khi thực hiện, và lâu bền. Viện bảo tàng Ermitage tại Saint Peterburg (Nga) là một thí dụ điển hình cho phương pháp làm mát trên từ hơn một thế kỷ nay. Như vậy, giải pháp đầu tiên đơn giản là vấn đề tài chính. Giải pháp thứ hai cho phép thiết lập tòa nhà sinh thái bền

vững mà không đòi hỏi chi phí vượt mức.

Hệ thống chứng chỉ hiện hành tại nhiều quốc gia trên thế giới có ảnh hưởng rất lớn tới sự hình thành các ngôi nhà xanh. Ngoài LEED của Mỹ và BREEAM của Anh, còn phải kể tới DGNB của Đức. Các hệ thống của Anh và Mỹ cơ bản theo đuổi mục đích thúc đẩy sự phát triển của các công nghệ và các vật liệu mới nhất trên thị trường, tạo nên thị trường xây dựng xanh hiệu quả về mặt thương mại. Hình dáng bên ngoài của tòa nhà, các vấn đề xã hội không được xét tới trong các hệ thống này, cũng như các hệ thống không xét tới khía cạnh - kiến trúc chính là không gian sống văn hóa của con người. Chỉ có hệ thống chứng nhận tòa nhà sinh thái bền vững DGNB là đưa những vấn đề văn hóa - xã hội vào nội dung của mình.

Hội đồng xây dựng xanh đã nghiên cứu hệ thống chứng nhận công trình xanh cho các ngôi nhà thấp tầng từ năm 2011. Hệ thống - theo các nguyên tắc của DGNB - có tính tới toàn bộ vòng đời của ngôi nhà với các chi phí khai thác, chi phí xử lý. Điều không kém phần quan trọng là Nga cần xây dựng hệ thống tín dụng thế chấp hợp lý. Khi đó, khi mua nhà hoặc căn hộ, vấn đề đầu tiên không còn là giá thành toàn bộ công trình nữa, mà chỉ là mức chi trả thường xuyên cho các chi phí khai thác và thanh toán tín dụng mà thôi. Trên thế giới hiện nay, chính các chỉ số này đang ảnh hưởng tới việc lựa chọn chỗ ở.

Các biện pháp kích thích xây dựng bền vững về mặt sinh thái được ông A. Poliakov đề xuất như sau: Trong giai đoạn khởi đầu phát triển xây dựng sinh thái, nhà nước cần kích thích thương mại bằng các biện pháp tài chính, các ưu đãi về thuế, biểu thuế "xanh". Các yếu tố thị trường thuộc giai đoạn tiếp theo. Ở giai đoạn này, ý tưởng xây dựng xanh cần được nhà nước quan tâm tạo điều kiện phát triển và cần được các nhà đầu tư quan tâm hơn. Bên cạnh đó, cần có sự giáo dục toàn diện của xã hội. Thắt chặt các yêu cầu của pháp luật đối với an toàn sinh thái; ứng dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn tiên tiến trong lĩnh vực xây dựng sinh thái cho phép các dự án tiến tới đáp ứng các nhu cầu của người tiêu dùng. Đơn giản hóa các thủ tục tiến hành khảo sát, ký kết của các dự án "xanh" cũng là một bước đi cơ bản.

Cần phát triển đội ngũ các kiến trúc sư, nhà thiết kế, nhà xây dựng, nhà tư vấn "xanh" có trình độ. Và nhiệm vụ quan trọng nhất là phát triển và ứng dụng các công nghệ và vật liệu xây dựng trong nước. Từ đó tạo điều kiện để xây dựng "sách xanh" (cuốn danh mục các công nghệ sinh thái, các sản phẩm và dịch vụ mang tính sinh thái), đồng thời hỗ trợ phát triển các hệ thống chứng chỉ vật liệu của Nga và quốc tế.

Cần kích cầu thông qua ưu đãi thế chấp, hỗ trợ lắp đặt các thiết bị năng lượng hiệu quả và sử dụng nguồn năng lượng tái tạo thay thế, giảm mức thuế đối với năng lượng sinh thái được tiêu thụ để phát triển xây dựng xanh.

Bên cạnh đó, cần hoàn thiện các tiêu chuẩn quốc gia cho phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế, thường xuyên cập nhật đổi mới cơ sở tiêu chuẩn pháp lý phù hợp với kinh nghiệm quốc tế và các tiêu chuẩn sinh thái trong xây dựng.

Các biện pháp hỗ trợ xây dựng "xanh" có thể rất đa dạng, từ trợ cấp trực tiếp tới đưa ra các tiêu chí phù hợp với xây dựng phục vụ nhà nước và cộng đồng. (Trường hợp này, mọi chi phí cho các công nghệ sinh thái đều do các nhà thầu tư nhân chịu). Ngoài ra, cũng cần ghi nhớ một điều: Kết quả ứng dụng các tiêu chuẩn xanh cần được đánh giá từ góc độ lợi ích về mặt kinh tế, và những ảnh hưởng tích cực tới môi trường xung quanh và sức khỏe con người. Bảo vệ sức khỏe, hoàn thiện và tăng cường sự hài hòa trong không gian sống của con người chính là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của toàn xã hội.

I. Denisov

Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 33 (ngày 16/8/2013)

ND: Lệ Minh

Tổng quan về những yêu cầu đối với nhà ở hiện đại trên thế giới

Viện Tương lai Nhà ở quốc tế đã đưa ra một hệ thống yêu cầu đối với nhà ở đó là hệ nhà ở xanh đã xây dựng một bộ khung đối với thiết kế, thi công và mối quan hệ giữa con người và môi trường ở.

Trong khi đó, bằng những cách tương tự Uỷ ban Chỉ đạo về Thiết kế năng lượng và môi trường (LEED) cũng thúc đẩy hệ thống xây dựng nhà ở hiện đại. Việc phân loại dựa trên tính năng của nhà ở, bao gồm khả năng của dự án phải đạt được 20 yếu tố bắt buộc, như yếu tố chi phí năng lượng bằng 0.

Lịch sử

Vào giữa những năm 1990, một đội ngũ các nhà thiết kế đã áp dụng một số lý thuyết thiết kế bền vững tiên tiến nhất. Các nhà thiết kế này đã phổ biến những thành công của họ, những đòi hỏi và những yếu tố bắt buộc về môi trường thông qua những bài báo mà sau này được đưa vào nội dung của những yêu đối với nhà ở đương đại.

Viện Tương lai Nhà ở quốc tế cũng được thành lập trên cơ sở những đề xuất của nhóm thiết kế đó. Cho đến nay, 8 dự án nhà ở hiện đại đã được cấp giấy phép và 140 dự án trên toàn cầu đã được đăng ký và đang hoạt động để được cấp phép.

Cấu tạo chương trình

Chương trình nhà ở hiện đại nhằm khuyến khích áp dụng 4 tiêu chuẩn bắt buộc sau: Tiêu chuẩn sáng tạo, cảnh quan kiến trúc, nhà ở và láng giềng xung quanh. Ngoài ra, mỗi dự án cần quan tâm tới 6 tiêu chuẩn trích ngang như: Dự trữ về thiên nhiên ở, khu vực nông thôn, khu làng và trang trại, khu đô thị chung, khu trung tâm đô thị, khu lõi đô thị.

Những yêu cầu thay đổi dựa trên mật độ phát triển, khả năng đi bộ, mặt bằng bãi để xe và các yếu tố khác.

Hiện nay, chương trình đưa ra 20 chỉ tiêu bắt buộc thực hiện thông qua 7 nhánh như: Vị trí, nước, năng lượng, sức khoẻ, vật liệu, sự cân bằng và vẻ đẹp cảnh quan. Các chỉ tiêu bắt buộc là những yêu cầu đặc biệt và thách thức mà mỗi dự án cần phải đạt được.

Lựa chọn các vật liệu

Những vật liệu và các thành phần cần phải loại bỏ khỏi các dự án gồm có:

- Amiăng;
- Cadmi;
- Polyetylen chứa clo và polyetylen clorua sulfonat;
- Cloruapren (neopren);
- Formaldehyt;
- Các chất chống cháy halogen;
- Hydro clorua fluoro cacbon(HCFC);
- Chì;
- Thuỷ ngân;
- Phân bón hoá dầu và thuốc trừ sâu;
- Phtalat;
- Polyvinyl clorid (PVC) và
- Các dầu xử lý gỗ chứa creosot, arsen hay penta clorua phenol.

Khuyến khích sử dụng các vật liệu địa phương và không nên sử dụng những vật liệu nặng phải vận chuyển từ nơi quá xa tới công trường xây dựng.

Tiết kiệm và sử dụng lại vật liệu cũng là yếu tố bắt buộc, phải được thể hiện trong tất cả các khâu thiết kế, thi công, khai thác và vận hành công trình.

Nguồn: Tạp chí Concrete International Mỹ, số tháng 11/2013

ND: Đinh Bá Lô

Hội nghị trực tuyến tổng kết công tác năm 2013 và triển khai nhiệm vụ kế hoạch năm 2014 ngành Xây dựng

Ngày 07/01/2014 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị trực tuyến tổng kết công tác năm 2013 và triển khai nhiệm vụ kế hoạch năm 2014. Tới dự Hội nghị, tại điểm cầu Hà Nội có Ủy viên Trung ương Đảng - Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng và các đồng chí Thứ trưởng Bộ Xây dựng; Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam Nguyễn Văn Bình; đại diện lãnh đạo Văn phòng Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương, UBND thành phố Hà Nội; đại diện lãnh đạo các Hội, Hiệp hội chuyên ngành Xây dựng; đại diện lãnh đạo các doanh nghiệp và các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng. Tại các điểm cầu địa phương có sự tham dự của đại diện lãnh đạo UBND, Sở Xây dựng các tỉnh và thành phố. Ủy viên Trung ương Đảng - Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải đã đến dự và phát biểu chỉ đạo Hội nghị.

Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải phát biểu chỉ đạo Hội nghị

Theo báo cáo của Bộ Xây dựng do Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng trình bày tại Hội nghị, ngành Xây dựng bước vào thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2013 trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới vẫn có nhiều diễn biến phức tạp, nền kinh tế trong nước trong giai đoạn khó khăn, thị trường bất động sản trầm lắng… Trong bối cảnh đó, ngay từ đầu năm, Bộ Xây dựng đã ban hành Chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết 01, 02 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách 2013, các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu. Theo đó, Bộ Xây dựng đã tập trung cao độ cho việc hoàn thiện hệ thống thể chế quản lý nhà nước theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch xây dựng; tăng cường quản lý đầu tư xây dựng, kiểm soát phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch; thực hiện đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản gắn với thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia, đặc biệt là nhà ở xã hội; thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước…

Được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự phối hợp chặt chẽ của các Bộ ngành Trung ương, sự ủng hộ và tích cực vào cuộc của các địa phương, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và cộng đồng doanh nghiệp toàn ngành, ngành Xây dựng trong năm 2013 đã đạt được những kết quả quan trọng trên tất cả các lĩnh vực, góp phần vào những chuyển biến tích cực của nền kinh tế đất nước. Cụ thể: Giá trị sản xuất kinh doanh toàn ngành Xây dựng năm 2013 theo giá hiện hành đạt 770.410 tỷ đồng, tăng 7% so với năm 2012; tỷ lệ đô thị hóa cả nước đạt 33,47% (tăng 1,02% so với 2012); tỷ lệ dân đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 79% (tăng 1% so với 2012); tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải tại đô thị đạt 84%; toàn bộ các đô thị đã có quy hoạch chung xây dựng đô thị, quy hoạch

phân khu và quy hoạch chi tiết 1/2000 đạt khoảng 70% (tăng 10% so với năm 2012), tỷ lệ các xã hoàn thành lập quy hoạch chung đạt 83,5%. Diện tích nhà ở bình quân đạt 19,6 m^2 sàn/người (tăng 0,6 m^2 so với 2012), cả nước có khoảng 1 triệu m^2 nhà ở xã hội, tương đương khoảng 20.000 căn hộ; tổng sản lượng xi măng tiêu thụ khoảng 61 triệu tấn, đạt 107,5% kế hoạch năm, trong đó tiêu thụ nội địa 47 triệu tấn, xuất khẩu 14 triệu tấn.

Theo Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, năm 2013 là năm mà Bộ Xây dựng tập trung cho công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế quản lý nhà nước ngành Xây dựng, với những quan điểm, tư tưởng đổi mới căn bản, có tính đột phá như tăng cường quản lý, giám sát trong đầu tư xây dựng nhằm hạn chế lãng phí, thất thoát, nâng cao chất lượng công trình, tăng cường hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; kiểm soát phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch; gắn việc tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản với thực hiện Chiến lược nhà ở quốc gia, đặc biệt là đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội. Dự thảo Luật Xây dựng sửa đổi do Bộ Xây dựng chủ trì biên soạn đã được trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIII đã thể hiện những quan điểm đổi mới là phân định rõ các dự án đầu tư xây dựng sử dụng các nguồn vốn khác nhau phải có phương thức và phạm vi quản lý khác nhau. Bộ Xây dựng cũng đã tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 15/2013/NĐ-CP về quản lý chất lượng công trình, Nghị định số 11/2013/NĐ-CP về quản lý phát triển đô thị, Nghị định số 188/2013/NĐ-CP về phát triển và quản lý nhà ở xã hội. Các Nghị định này là những công cụ quan trọng cho công tác quản lý nhà nước ở Trung ương và địa phương về đầu tư xây dựng, phát triển đô thị và phát triển nhà ở xã hội. Bên cạnh đó, năm 2013, Bộ Xây dựng đã hoàn thiện, trình Quốc hội, Chính phủ 17 dự án, đề án, văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có 03 dự án Luật và 01 dự thảo Nghị quyết của Quốc hội, 03 dự thảo Nghị định và 10 dự

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng báo cáo tại Hội nghị

thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Trong năm, Chính phủ đã ban hành 09 Nghị định, Thủ tướng Chính phủ ban hành 03 Quyết định, Bộ ban hành 22 Thông tư (trong đó có 03 Thông tư liên tịch) về các lĩnh vực quản lý của Ngành. Các cơ chế, chính sách mới ban hành đã được các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và người dân đồng tình, ủng hộ và từng bước phát huy hiệu quả trong cuộc sống.

Bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được trong các lĩnh vực của ngành Xây dựng, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cũng nêu lên một số mặt còn tồn tại, hạn chế cần được nhanh chóng khắc phục trong thời gian tới như: Sự thiếu đồng bộ trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; tình trạng thất thoát, lãng phí trong xây dựng cơ bản, xây dựng không phép, sai phép, chậm tiến độ thi công, nợ đọng xây dựng cơ bản còn chậm được khắc phục; chất lượng một số đồ án quy hoạch còn hạn chế, phải điều chỉnh nhiều lần; công tác phát triển đô thị tại một số địa phương còn nhiều hạn chế, thiếu các hệ thống đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, một số dự án khu đô thị mới thiếu các dịch vụ đô thị thiết yếu; công tác phát triển nhà ở xã hội tại một số địa phương chưa được quan tâm đúng mức, chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp tham gia đầu tư, nguồn cung nhà ở xã hội còn thiếu nhiều so với nhu cầu; thị trường bất động sản tuy đã có chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, tồn kho bất động sản còn lớn, nhất là ở phân khúc bất động

sản trung và cao cấp; các doanh nghiệp còn nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh, tiến trình tái cơ cấu diễn ra còn chậm…

Sau khi nghe Báo cáo của Bộ Xây dựng và các ý kiến tham luận của các địa phương, các Hội nghề nghiệp và doanh nghiệp, Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải đã đánh giá cao những nỗ lực và những thành tích đạt được của ngành Xây dựng trong năm 2013.

Theo Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải, trong bối cảnh nền kinh tế đất nước gặp rất nhiều khó khăn năm 2013, những kết quả đạt được của ngành Xây dựng là rất đáng kể, đáng tự hào, góp phần tháo gỡ và từng bước đưa nền kinh tế đất nước ra khỏi những khó khăn: Tăng trưởng giá trị sản xuất của ngành Xây dựng đạt cao hơn mức tăng trưởng chung của ngành công nghiệp; chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong ngành Xây dựng có chuyển biến tích cực; ngành Xây dựng tham gia và đạt được kết quả tốt trong các chương trình tái cơ cấu nền kinh tế như tái cơ cấu đầu tư công, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, tham gia thực hiện 3 đột phá của nền kinh tế về cơ sở hạ tầng, tăng cường thể chế, đào tạo nguồn nhân lực. Bên cạnh đó, ngành Xây dựng đã thực hiện tốt các công tác hoàn thiện hệ thống thể chế pháp luật ngành Xây dựng, ban hành hệ thống tiêu chuẩn, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật, nhiều công nghệ mới được áp dụng đã nâng cao được năng suất lao động và chất lượng công trình; công tác xây dựng quy hoạch và tỷ lệ phủ kín quy hoạch được tăng lên đáng kể; số lượng các công trình xây dựng trái phép, sai phép giảm; thu hút được đa dạng các nguồn vốn đầu tư xã hội cho các lĩnh vực cấp thoát nước, xử lý rác thải; công tác quản lý chất lượng được quan tâm; công tác tháo gỡ khó khăn cho các địa phương, các doanh nghiệp và thị trường bất động sản được Bộ Xây dựng tích cực triển khai…

Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải cũng đồng tình với những nhiệm vụ trọng tâm của ngành Xây dựng năm 2014 đã nêu trong

Đoàn Chủ tịch Hội nghị

Báo cáo tổng kết, đồng thời đề nghị toàn ngành Xây dựng tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết 01 của Chính phủ với 9 nhóm giải pháp đồng bộ liên quan nhiều đến các hoạt động của ngành Xây dựng. Trên cơ sở Nghị quyết 01 để xác định các mục tiêu chủ yếu của ngành Xây dựng trong năm 2014, triển khai thực hiện ngay từ đầu năm các mục tiêu đã đề ra, từ Bộ đến các Sở Xây dựng, các địa phương; Tiếp tục tập trung cho công tác quản lý nhà nước của Bộ, tập trung cao độ cho việc xây dựng các dự thảo Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh Bất động sản để trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 7 và thứ 8 năm 2014. Đây là các bộ luật hết sức quan trọng, có tác động đến toàn bộ đời sống kinh tế của đất nước, do đó Bộ Xây dựng cần phối hợp hết sức chặt chẽ và tiếp thu ý kiến các các Bộ, ngành, các địa phương, các doanh nghiệp để hoàn thiện các văn bản dự thảo Luật. Bên cạnh đó, Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải cũng đề nghị Bộ Xây dựng và các địa phương chú trọng về nâng cao chất lượng các quy hoạch; rà soát các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đặc biệt là quy chuẩn thiết kế chống động đất; xây dựng các cơ chế thu hút các nguồn lực của xã hội cho đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển nhà ở xã hội; chú trọng bồi dưỡng và phát triển các nguồn lực trong nước, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp tư vấn, thiết kế, thi công xây lắp…

Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải nhấn

mạnh, nhiệm vụ năm 2014 của ngành Xây dựng sẽ hết sức nặng nề. Nhân Hội nghị này, thay mặt lãnh đạo Chính phủ, Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải đã gửi lời chúc ngành Xây dựng cả nước đạt được nhiều thành công trong năm 2014, đóng góp hiệu quả cho công cuộc tái cơ cấu và thực hiện các đột phá về phát triển kinh tế của đất nước.

Minh Tuấn

Kỳ họp lần thứ 10 Ủy ban Liên Chính phủ Việt Nam – An-giê-ri

Trong các ngày từ 08 - 10/01/2014 tại Hà Nội, kỳ họp thứ 10 Ủy ban Liên Chính phủ Việt Nam – An-giê-ri đã diễn ra trọng thể. Đoàn đại biểu An-giê-ri dự kỳ họp lần này do ngài Amara Benyounes - Bộ trưởng Bộ Phát triển Công nghiệp & Xúc tiến đầu tư, đồng Chủ tịch UBLCP Việt Nam – An-giê-ri làm trưởng đoàn. Đây là kỳ họp có ý nghĩa quan trọng trong việc tăng cường hữu nghị, thúc đẩy và mở rộng hợp tác nhiều mặt giữa hai nước Việt Nam và An-giê-ri trong giai đoạn công nghiệp hóa của cả hai nước.

Phiên khai mạc kỳ họp diễn ra ngày 08/01/2014, với sự chủ trì của hai đồng Chủ tịch - Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng và Bộ trưởng Amara Benyounes. Về phía đoàn đại biểu Việt Nam có đại diện Văn phòng Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương. Về phía đoàn đại biểu An-giê-ri có ngài Cherif Chikhi - Đại sứ đặc mệnh toàn quyền An-giê-ri tại Việt Nam; đại diện các Bộ ngành liên quan như Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Cục Xúc tiến thương mại quốc gia An-giê-ri.

Tại phiên khai mạc, thay mặt đoàn đại biểu Việt Nam, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng nhiệt liệt chào mừng Ngài Bộ trưởng Amara Benyounes và các thành viên trong đoàn sang Việt Nam tham dự kỳ họp lần này, ghi một mốc son mới trong quan hệ hợp tác hữu nghị truyền thống và quan hệ ngoại giao hơn 50 năm qua giữa hai quốc gia. Theo Bộ trưởng, Việt Nam và An-giê-ri tuy cách xa nhau về địa lý nhưng có nhiều điểm tương đồng về lịch sử, cùng trải qua nhiều

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng và Bộ trưởng Amara Benyuones ký biên bản kỳ họp

năm tháng đấu tranh gian khổ giành độc lập dân tộc. Do vậy, truyền thống đoàn kết, hữu nghị giữa nhân dân hai nước có nền tảng vững chắc và ngày càng được củng cố tăng cường. Chính phủ và nhân dân Việt Nam luôn ghi nhớ tình cảm gắn bó và sự ủng hộ giúp đỡ quý báu mà Chính phủ và nhân dân An-giê-ri đã dành cho Việt Nam. Điểm lại một số nét về tình hình phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam thời gian gần đây, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cho biết: Trong bối cảnh kinh tế thế giới đang gặp nhiều khó khăn và bất ổn, Chính phủ Việt Nam đã tập trung ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đưa Việt Nam từ một nước nghèo vươn lên thành quốc gia có mức thu nhập trung bình thấp; sức mạnh quốc gia được tăng cường, vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao. Môi trường kinh tế phát triển ổn định, tạo cơ sở vững chắc để đầu tư nước ngoài, trong đó có An-giê-ri, vào Việt Nam tăng mạnh trong những năm gần đây. Tuy nhiên, Bộ trưởng

Trịnh Đình Dũng nhận định, những kết quả hợp tác thương mại và đầu tư giữa hai nước vẫn còn ở mức khiêm tốn so với mối quan hệ hữu nghị lâu đời và tiềm năng, lợi thế của hai nước.

Đánh giá cao những thành tựu của Việt Nam trong công cuộc đổi mới, Bộ trưởng Amara Benyounes cho biết: An-giê-ri luôn theo dõi sát sao các chính sách và những thành tựu của Việt Nam về phát triển kinh tế - xã hội, và luôn ghi nhận những nỗ lực của cả hai bên trong việc thúc đẩy hợp tác thương mại và đầu tư trong các lĩnh vực kể từ sau kỳ họp thứ 9 diễn ra vào tháng 02/2011 tại thủ đô An-giê (An-giê-ri). Bộ trưởng Amara Benyounes cũng nhìn nhận: Theo số liệu về kim ngạch thương mại giữa hai nước, chủ yếu vẫn là kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang An-giê-ri, với các mặt hàng truyền thống vốn là thế mạnh của Việt Nam như cà phê, gạo, hạt tiêu, thủy hải sản, giày dép, máy móc thiết bị. Trong khi đó, An-giê-ri tuy có nhiều tiềm năng xuất khẩu sang Việt Nam các sản phẩm mà Việt Nam có nhu cầu như hóa chất, các chế phẩm từ dầu, nông sản; song xuất khẩu của An-giê-ri sang Việt Nam vẫn chiếm tỷ trọng chưa cao trong cán cân thương mại. Bộ trưởng Amara Benyounes mong muốn, tại kỳ họp này, hai bên sẽ đưa ra những giải pháp cụ thể để đa dạng hóa hoạt động thương mại và cân đối kim ngạch xuất - nhập khẩu giữa hai nước trong thời gian tới.

Qua 03 ngày làm việc tích cực, khẩn trương, với tinh thần hợp tác và cởi mở, đoàn đại biểu Việt Nam và An-giê-ri đã cùng kiểm điểm lại tình hình thực hiện Biên bản kỳ họp lần thứ 9, trong đó tập trung vào những kết quả tốt đẹp hai bên cùng đạt được; cùng nhìn nhận những tồn tại, đồng thời xác định phương hướng cũng như các hoạt động nhằm xúc tiến và tăng cường hợp tác song phương trong những năm tiếp theo.

Trong phiên bế mạc diễn ra sáng ngày 10/01/2014, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đánh

Toàn cảnh kỳ họp

giá: Thành công của kỳ họp thứ 10 thể hiện ở sự nhất trí cao của cả hai bên trong nhiều lĩnh vực. Về đầu tư thương mại, hai bên đã nhấn mạnh tầm quan trọng trong việc đề ra các giải pháp cụ thể để đưa quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại của hai quốc gia lên ngang tầm với quan hệ hữu nghị truyền thống và quan hệ chính trị tốt đẹp sẵn có. Về khai thác dầu khí, hai bên đã cùng cam kết sẽ tạo mọi điều kiện thuận lợi để liên doanh dầu khí Việt Nam – An giê-ri hoạt động hiệu quả tại An-giê-ri. Về các lĩnh vực khác như đào tạo nghề, nông nghiệp, thủy hải sản, thông tin truyền thông, giao thông, y tế, tư pháp…, hai bên đều đạt được sự đồng thuận cao, thể hiện qua những thỏa thuận đạt được cho sự hợp tác song phương tiếp theo. Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cho biết, việc ký Biên bản kỳ họp lần thứ 10 và các Thỏa thuận hợp tác về xúc tiến thương mại và đào tạo nghề, cùng các cam kết khác trong kỳ họp lần này đã thể hiện nỗ lực của các Bộ, ngành, doanh nghiệp của Việt Nam và An-giê-ri, chứng tỏ quyết tâm và nỗ lực của mỗi bên nhằm mang lại hiệu quả và lợi ích thiết thực, vì lợi ích chung của nhân dân hai nước, đồng thời phù hợp với đường lối của các nhà lãnh đạo cấp cao và sự mong mỏi của nhân dân hai nước. Bộ trưởng khẳng định: Phía Việt nam sẽ làm hết sức mình để đẩy mạnh quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, khoa học, kỹ thuật giữa hai nước lên tầm cao mới; xây dựng tình cảm, mối quan hệ giữa

hai dân tộc ngày càng bền vững.

Thay mặt đoàn đại biểu An-giê-ri, Bộ trưởng Amara Benyuones chân thành cám ơn sự đón tiếp trọng thị và những tình cảm nồng ấm mà Bộ Xây dựng và các cơ quan hữu quan của Việt Nam dành cho đoàn trong thời gian diễn ra kỳ họp. Đồng tình với Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng về những kết quả tốt đẹp hai bên đạt được trong kỳ họp, Bộ trưởng Amara Benyounes nhấn mạnh, thành công của kỳ họp này sẽ mở ra một thời kỳ mới trong quan hệ hợp tác giữa hai nước, đánh dấu thiện chí của hợp tác của hai bên trong các lĩnh vực có tiềm năng, xóa tan khoảng cách về địa lý cũng như rào cản ngôn ngữ - văn hóa giữa Việt Nam – An-giê-ri. Bộ trưởng Amara Benyounes bày tỏ hy vọng, sau kỳ họp này, hai bên sẽ nỗ lực hơn nữa trong việc thực hiện các thỏa thuận và cam kết đã được ký kết.

Kết thúc phiên bế mạc kỳ họp thứ 10 UBLCP Việt Nam – An-giê-ri, hai Bộ trưởng đồng Chủ tịch UBLCP Việt Nam – An giê-ri đã ký Biên bản của kỳ họp thứ 10. Hai Bộ trưởng cùng đoàn đại biểu, doanh nghiệp, các bộ, ngành hai bên cũng chứng kiến lễ ký Thỏa thuận hợp tác trong lĩnh vực đầu tư thương mại giữa Cục Xúc tiến thương mại - Bộ Công thương Việt Nam và Cơ quan Xúc tiến thương mại An-giê-ri; và Thỏa thuận hợp tác trong lĩnh vực đào tạo dạy nghề giữa Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội Việt Nam và Bộ Giáo dục An-giê-ri.

Lệ Minh

Công đoàn Xây dựng Việt Nam tổng kết công tác công đoàn năm 2013 và triển khai nhiệm vụ năm 2014

Ngày 09/01/2014, tại Hà Nội, Công đoàn Xây dựng (CĐXD) Việt Nam đã tổ chức Hội nghị Tổng kết công tác công đoàn năm 2013 và triển khai nhiệm vụ năm 2014. Ủy viên Ban Cán sự Đảng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bùi Phạm Khánh và ông Đặng Ngọc Tùng - Chủ tịch Tổng Liên đoàn (TLĐ) Lao động Việt Nam đã đến dự và phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có Chủ tịch Công đoàn XDVN - Anh hùng Lao động Nguyễn Văn Bình, các đồng chí nguyên là lãnh đạo CĐXD Việt Nam, cùng các đồng chí Phó Chủ tịch Công đoàn XDVN, lãnh đạo đại diện của khối 6 đoàn Ngành Trung ương và Liên đoàn thành phố Hà Nội, đại diện lãnh đạo của các Tổng Công ty, Ủy viên Ban chấp hành TLĐ Lao động Việt Nam, Ủy viên Ban thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành, Ủy viên Ủy Ban kiểm tra của Công đoàn XDVN; các đại biểu là Chủ tịch, Phó Chủ tịch các công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn XDVN; lãnh đạo Công đoàn Xây dựng các địa phương và đông đảo phóng viên các báo đài.

Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bùi Phạm Khánh phát biểu tại Hội nghị

Tại Hội nghị, thay mặt Ban Chấp hành Công đoàn XDVN, đồng chí Nguyễn Thị Thủy Lệ - Phó Chủ tịch Thường trực đã đọc Báo cáo kết quả công tác công đoàn năm 2013 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2014 của Công đoàn XDVN.

Theo Báo cáo, năm 2013, các doanh nghiệp ngành Xây dựng tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Đầu tư công vẫn tiếp tục cắt giảm, thị trường xây dựng bị thu hẹp, thiếu vốn sản xuất, kinh doanh, nhiều chủ đầu tư chậm

thanh quyết toán, kể cả công trình đã đưa vào sử dụng. Còn nhiều doanh nghiệp nợ lương, bảo hiểm xã hội nên không giải quyết được chế độ cho người lao động khi nghỉ việc, hưu trí, ốm đau, thai sản… Những khó khăn trên đã gây ảnh hưởng lớn đến việc làm, đời sống của đoàn viên, người lao động ngành Xây dựng cũng như hoạt động của tổ chức công đoàn. Trước tình hình đó, cùng với tinh thần đoàn kết, quyết tâm và nỗ lực phấn đấu của đội ngũ công nhân viên chức lao động, công đoàn các cấp đã phối hợp chăm lo và thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động, tích cực đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, tổ chức nhiều hoạt động thiết thực, hiệu quả, góp phần quan trọng vào thành tích của từng đơn vị và thành tích chung của Ngành, của đất nước.

Trong năm 2013, CĐXD Việt Nam đã tổ chức thành công Đại Hội lần thứ XII, đánh giá những kết quả đã đạt được, đồng thời chỉ ra những hạn chế trong phòng trào công nhân viên chức lao động và hoạt động công đoàn nhiệm kỳ 2008 - 2013, đề ra mục tiêu, phương hướng nhiệm kỳ 2013 - 2018, khẩu hiệu hành động. Công tác tham gia xây dựng các văn bản pháp luật có liên quan trực tiếp đến quyền lợi của đoàn viên, người lao động đã được các cấp công đoàn trong Ngành triển khai hiệu quả như: Tham gia sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1992, Luật An toàn vệ sinh lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Việc làm, một số Nghị định hướng dẫn Bộ luật Lao động, Luật Công đoàn năm 2012, Luật Thi đua Khen thưởng… Các cấp Công đoàn đã tổ chức thăm hỏi các gia đình công nhân viên chức lao động, giúp đỡ các gia đình chính sách, tặng quà thăm hỏi cho những người lao động ốm đau, nằm viện dài ngày và gia đình công nhân lao động không may bị thiệt mạng do tai nạn lao động. Hưởng ứng lời kêu gọi của TLĐ và CĐXD Việt Nam, các đơn vị trong ngành đã kịp thời thăm hỏi, ủng hộ công nhân lao động trong Ngành và đồng bào các tỉnh khu vực miền Trung bị thiệt hại do bão lụt,

Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam Đặng Ngọc Tùng phát biểu tại Hội nghị

thiên tai; CĐXD Việt Nam đã chỉ đạo hướng dẫn các cấp công đoàn trong ngành tổ chức tuyên truyền, vận động đoàn viên, người lao động thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước. Các đơn vị trong ngành đã kịp thời phổ biến, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XII CĐXD Việt Nam. CĐXD Việt Nam đã kịp thời tổ chức Hội nghị thông báo nhanh kết quả Đại hội XI CĐVN và phổ biến triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XI CĐVN; Công đoàn các cấp đã tiếp tục tuyên truyền thực hiện "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" gắn với việc thực hiện Nghị quyết 20/NQ-TW ngày 28/01/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X tới các công nhân viên chức lao động.

Trong năm 2014, CĐXD Việt Nam tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XII CĐXD Việt Nam và nghị quyết Đại Hội XI CĐVN, Điều lệ CĐVN; Tham gia xây dựng và thực hiện các chính sách, pháp luật, các nội quy, quy chế có liên quan trực tiếp đến đoàn viên và người lao động. Quan tâm, chăm lo đời sống, việc làm, thu nhập của đoàn viên và người lao động; tăng cường phối hợp kiểm tra thực hiện pháp luật lao động, Luật Công đoàn và các chế độ, chính sách đối với người lao động. Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động "Tổ chức tốt điều kiện sống và làm việc của công nhân viên chức ngành Xây dựng", phong trào "Xanh - Sạch - Đẹp, đảm bảo an toàn vệ sinh

lao động"; Tiếp tục tuyên truyền hướng dẫn, thực hiện Luật Công đoàn, Bộ Luật Lao động năm 2012, Nghị quyết Đại hội XII CĐXD Việt Nam, Nghị quyết Đại hội XI CĐVN. Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh theo chỉ thị số 03-CT/TW. Phối hợp với Bộ Xây dựng chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị tổ chức các đợt thi đua, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ, kế hoạch năm 2014. Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào thi đua "Lao động giỏi, lao động sáng tạo"; Chỉ đạo các cấp công đoàn trong ngành định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá công tác công đoàn để rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời trong tổ chức thực hiện. Tăng cường nắm bắt tình hình của cơ sở, trực tiếp lắng nghe và tổng hợp ý kiến, kiến nghị của đoàn viên và người lao động. Giải quyết kịp thời những vấn đề thuộc thẩm quyền, phản ánh với các cơ quan hữu quan những khó khăn, kiến nghị của đoàn viên và người lao động, cũng như các doanh nghiệp trong ngành.

Với những thành tích đạt được, năm 2013, CĐXD Việt Nam đã được Đảng, Nhà nước, Tổng Liên đoàn biểu dương và khen thưởng Huân chương Lao Động hạng Ba cho 01 cá nhân, tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 02 cá nhân, tặng cờ thi đua của Tổng Liên đoàn Xây dựng Việt Nam cho 27 tập thể, tặng bằng khen của Tổng liên đoàn Xây dựng Việt Nam cho 34 tập thể lao động xuất sắc.

Phát biểu tại Hội nghị, thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh chúc mừng những thành tích đã đạt được của Công đoàn XDVN trong năm qua. Thứ trưởng cũng nhận định nền kinh tế đã đạt được mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô và đảm bảo an sinh một phần là nhờ những đóng góp không nhỏ của tập thể cán bộ công chức, viên chức và người lao động ngành Xây dựng. Với vai trò là tổ chức chính trị, xã hội, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của người lao động ngành Xây dựng, CĐXD Việt Nam trong năm 2013 đã từng bước đổi mới về kế hoạch và phương pháp hoạt động, thực hiện tốt chức năng bảo vệ quyền lợi chính đáng, cũng như việc làm, bảo hiểm, an toàn và vệ sinh lao động của công nhân viên chức, người lao động trong Ngành. Thứ trưởng cũng mong muốn trong năm 2014, CĐXD Việt Nam sẽ bám sát nhiệm vụ chính trị của Ngành để xây dựng kế hoạch, giải pháp thực hiện các nhiệm vụ công đoàn gắn với kế hoạch của Ngành Xây dựng trong năm 2014 và những năm tiếp theo, tham gia phối hợp với Bộ Xây dựng trong việc xây dựng cơ chế, chính sách, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ngành; Phối hợp với Bộ Xây dựng trong việc triển khai xây dựng nhà ở xã hội cho công nhân ngành Xây dựng. Triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia về an toàn vệ sinh lao động; Thường xuyên quan tâm, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng hợp pháp của người lao động.

Chủ tịch TLĐ Lao động Việt Nam Đặng Ngọc Tùng đánh giá cao hoạt động của CĐXD Việt Nam trong năm 2013 và đề cao phương hướng nhiệm vụ của năm 2014. Chủ tịch mong muốn, trong năm 2014, CĐXD Việt Nam cần đẩy mạnh Chương trình "Tấm lưới nghĩa tình vì ngư dân Hoàng Sa và Trường Sa"; phát triển đoàn viên, xây dựng tổ chức đoàn vững mạnh; nâng cao tổ chức đào tạo đội ngũ cán bộ công đoàn, luôn đặt quyền lợi của người lao động lên vị trí hàng đầu. Chủ tịch hi vọng trong năm 2014, CĐXD Việt Nam tiếp tục là đơn vị hoạt động có hiệu quả và phát triển vững mạnh.

Đại diện cho Công đoàn XDVN, Chủ tịch Công đoàn XDVN - Nguyễn Văn Bình tiếp thu các ý kiến chỉ đạo và hứa sẽ áp dụng vào thực tiễn, cố gắng phát huy truyền thống vẻ vang của ngành Xây dựng. Chủ tịch Nguyễn Văn Bình cũng mong muốn trong thời gian tới sẽ tiếp tục nhận được sự chỉ đạo của công đoàn cấp trên để CĐXD Việt Nam phát triển hơn nữa.

Bích Ngọc

Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng tổng kết công tác năm 2013, bàn phương hướng, nhiệm vụ năm 2014

Ngày 10/01/2014, tại Trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị Ban Thường vụ tổng kết công tác công đoàn năm 2013 và bàn phương hướng, nhiệm vụ năm 2014.

Tham dự Hội nghị, đại diện lãnh đạo Bộ Xây dựng có ông Nguyễn Hồng Khải - Vụ trưởng, Chánh Văn phòng Ban Cán sự Đảng Bộ Xây dựng, ông Đỗ Văn Quảng - Phó Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam, bà Trần Thị Lựu - Chủ tịch Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng, các ủy viên Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng, Chủ tịch, Phó Chủ tịch các Công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng.

Tại Hội nghị, thay mặt Ban chấp hành Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng, Chủ tịch Công đoàn Trần Thị Lựu đã trình bày báo cáo về các kết quả hoạt động công đoàn năm 2013 trên các mặt: Tổ chức Đại hội nhiệm kỳ công đoàn, học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội Công đoàn Xây dựng Việt Nam lần thứ XII và Nghị quyết Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XI; Công tác tham gia xây dựng pháp luật, chính sách có liên quan trực tiếp đến đoàn viên và người lao động, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động; Công tác vận động đoàn viên công đoàn hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị; Công tác tổ chức và thực hiện các phong trào thi đua yêu nước; Công tác nữ công, Công tác phát triển đoàn viên và Tài chính công đoàn.

Theo Chủ tịch Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng Trần Thị Lựu, điểm nhấn quan trọng trong công tác công đoàn năm 2013 là toàn bộ 41 Công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng đã có nhiều thành tích trên các mặt công tác, hoạt động tích cực, động viên kịp thời và khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan,

Phó Chủ tịch Công đoàn XDVN phát biểu tại Hội nghị

đơn vị phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chính trị, chuyên môn; đã phối hợp với Chính quyền các cơ quan, đơn vị trong việc đảm bảo việc làm, tiền lương, bảo hiểm xã hội cho người lao động trong bối cảnh nền kinh tế trong nước tiếp tục gặp nhiều khó khăn, có tác động không nhỏ đến ngành Xây dựng.

Với những thành tích đạt được năm 2013, Ban chấp hành Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng đã xem xét và đề nghị Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng Cờ thi đua cho 02 Công đoàn cơ sở, tặng bằng khen cho 07 Công đoàn cơ sở và khen thưởng 09 cá nhân; đề nghị Công đoàn Xây dựng Việt Nam tặng Cờ thi đua cho 04 Công đoàn cơ sở, Bằng khen cho 28 tập thể và 183 cá nhân. Đồng thời Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng cũng xét tặng Giấy khen cho 168 tập thể và 736 đoàn viên công đoàn.

Phát biểu tại Hội nghị, Phó Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam Đỗ Văn Quảng đã ghi nhận những cố gắng của Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng và các Công đoàn cơ sở trực thuộc trong công tác vận động đoàn viên thực hiện và hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị, nổi bật là trong công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngành Xây dựng năm 2013 đã được lãnh đạo Chính phủ đánh giá cao, và việc bảo đảm đời sống, việc làm cho người lao động,

thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

Phó Chủ tịch Đỗ Văn Quảng cũng đánh giá cao những hoạt động của Công đoàn Cơ quan Bộ trong các mặt xã hội - từ thiện, tổ chức các phong trào thi đua, công tác nữ công và tài chính công đoàn, đồng thời nhất trí với những phương hướng nhiệm vụ mà Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng đã đề ra cho năm 2014.

Góp ý cho phương hướng, nhiệm vụ năm 2014 của Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng, Phó Chủ tịch Công đoàn XDVN Đỗ Văn Quảng đề nghị Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng phát huy những thành tích đã đạt được trong năm 2013, tiếp tục làm tốt công tác vận động đoàn viên hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị, kiện toàn lại các công đoàn cơ sở, làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến và tập huấn pháp luật cho các đoàn viên và cán bộ công đoàn, quan tâm đến việc tổng kết các sáng tiến cải tiến kỹ thuật của các đơn vị, tổ chức tốt điều kiện sống và làm việc của người lao động.

Chủ tịch Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng Trần Thị Lựu báo cáo tại Hội nghị

Tại Hội nghị này, được sự chấp thuận của Công đoàn Xây dựng Việt Nam, Ban Chấp hành Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng đã tiến hành các thủ tục bầu bổ sung đồng chí Diệp Thị Thu Huyền - Phụ trách văn phòng Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng làm ủy viên Ban Chấp hành nhiệm kỳ 2011 - 2016.

Minh Tuấn

Viện Kinh tế Xây dựng tổng kết công tác năm 2013 và triển khai nhiệm vụ năm 2014

Ngày 03/01/2014, Viện Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị tổng kết công tác năm 2013 và triển khai nhiệm vụ năm 2014. Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng đã đến dự và phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị.

Tham dự Hội nghị còn có các đại biểu đại diện lãnh đạo các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng, lãnh đạo và toàn thể cán bộ, viên chức Viện Kinh tế Xây dựng.

Báo cáo tại Hội nghị về tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2013, TS. Trần Hồng Mai - Viện trưởng Viện Kinh tế Xây dựng cho biết, trong năm 2013, được sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Bộ Xây dựng, sự phối hợp chặt chẽ của các đơn vị thuộc Bộ và sự nỗ lực công tác của toàn thể cán bộ, viên chức, lao động,

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại Hội nghị

Viện Kinh tế Xây dựng đã cơ bản hoàn thành tất cả các nhiệm vụ kế hoạch của năm 2013.

Theo Viện trưởng Trần Hồng Mai, thành tích nổi bật của Viện Kinh tế Xây dựng năm 2013 được thể hiện trong lĩnh vực xây dựng pháp luật. Cụ thể, Viện Kinh tế Xây dựng đã tham gia

Viện trưởng Trần Hồng Mai báo cáo tại Hội nghị

các dự án sửa đổi các Luật Xây dựng, Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh bất động sản. Dự thảo Luật Xây dựng sửa đổi đã được báo cáo Bộ trình Chính phủ và Chính phủ đã trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội và đưa ra thảo luận tại Kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIII (tháng 11/2013). Viện cũng đã hoàn thành soạn thảo trình Bộ Xây dựng 07 Thông tư, trong đó 04 Thông tư đã được ban hành hướng dẫn về chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị, chi phí khảo sát xây dựng, chi phí tư vấn và quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, chi phí dịch vụ công ích đô thị. Ngoài ra, Viện đã tham gia với các đơn vị của Bộ soạn thảo một số văn bản quy phạm pháp luật khác như sửa đổi, bổ sung Nghị định số 48/2010/NĐ-CP về Hợp đồng trong hoạt động xây dựng; sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch…

Trong chương trình xây dựng cơ chế, chính sách phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, Viện Kinh tế Xây dựng đã hoàn thành việc soạn thảo Đề án huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống cấp, thoát nước và xử lý chất thải rắn đô thị. Đề án này đang được tổ chức lấy ý kiến để hoàn thiện và báo cáo Bộ trình Chính phủ trong thời gian sắp tới.

Một nhiệm vụ quan trọng khác của Viện Kinh tế là việc xây dựng hệ thống chỉ tiêu, định mức kinh tế - kỹ thuật cho các lĩnh vực của ngành Xây dựng. Năm 2013, Viện đã chủ trì và phối hợp với các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng hoàn thành soạn thảo hệ thống công cụ, chỉ tiêu, định mức kinh tế - kỹ thuật trình Bộ Xây dựng công bố phục lý quản lý nhà nước, bao gồm: Suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2012 với khoảng 490 chỉ tiêu cho các loại công trình; Suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2013; Suất đầu tư xây dựng và mức chi phí xử lý 1m3 nước sinh hoạt; Tính toán xây dựng Chỉ số giá xây dựng theo vùng để trình Bộ Xây dựng công bố trong quý I/2014 và Chỉ số giá xây dựng quốc gia trình Bộ Xây dựng thông qua để Bộ Kế hoạch đầu tư (Tổng Cục thống kê) công bố theo kế hoạch từ năm 2014; Sửa đổi, bổ sung định mức dự toán các công tác xây lắp, trong đó gồm: 859 định mức xây dựng, 432 định mức lắp đặt, 30 định mức sản xuất và truyền dẫn nước sạch, 138 định mức dự toán dịch vụ công ích đô thị…

Trong công tác nghiên cứu, thực hiện các đề tài khoa học, các dự án sự nghiệp kinh tế phục vụ quản lý nhà nước, năm 2013 Viện Kinh tế Xây dựng đã triển khai 10 đề tài khoa học công nghệ và 5 dự án sự nghiệp kinh tế. Các kết quả nghiên cứu của Viện đều được áp dụng trên thực tế, sản phẩm nghiên cứu của các đề tài, dự án là cơ sở rất quan trọng để Viện cụ thể hóa trong việc soạn thảo thành các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật trình Bộ Xây dựng ban hành hoặc công bố.

Về các hoạt động sự nghiệp, bên cạnh việc tổ chức các lớp tập huấn văn bản quy phạm pháp luật xây dựng và bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, đấu thầu, định giá xây dựng… hoạt động tư vấn, thẩm định dự án đầu tư, thẩm định dự toán xây dựng, lập đơn giá, tư vấn quản lý chi phí, tư vấn đấu thầu… của Viện cũng được đẩy mạnh. Tổng doanh thu từ hoạt động tư vấn của năm 2013 dự kiến đạt 17 tỷ đồng, tăng 5% so với năm 2012, đời sống cán bộ, viên chức được bảo

đảm với thu nhập tăng bình quân khoảng 10%.

Phát biểu tại Hội nghị, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng đánh giá cao kết quả thực hiện các nhiệm vụ công tác, đồng thời biểu dương những cố gắng và thành tích của tập thể lãnh đạo, cán bộ, viên chức Viện Kinh tế Xây dựng trong năm 2013.

Theo Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, nhiệm vụ của Bộ Xây dựng trong năm 2014 hết sức nặng nề, trong đó có việc tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật xây dựng, với việc trình Quốc hội thông qua 03 đạo Luật quan trọng là Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành; tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước; thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia và các chương trình phát triển đô thị… Do đó, với vai trò là cơ quan nghiên cứu đầu ngành trong lĩnh vực kinh tế xây dựng, Viện Kinh tế xây dựng cần chủ động đề xuất, tham mưu cho lãnh đạo Bộ về các cơ chế, chính sách, giải đáp một cách căn cơ về chiến lược phát triển ngành, vấn đề kinh tế đô thị, vấn đề phát triển đô thị có kế hoạch cân đối với nguồn lực… Để thực hiện những việc đó, Viện Kinh tế xây dựng cần hoàn thiện về tổ chức, xây dựng bộ phận nghiên cứu với chức năng nhiệm vụ rõ ràng, tách bạch hoạt động nghiên cứu chính sách với hoạt động tư vấn, có quy chế thu hút và giữ chân người tài, quan tâm chăm lo đời sống của cán bộ, viên chức…

Nhân dịp bước sang năm mới 2014, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đã gửi lời chúc toàn thể cán bộ, viên chức Viện Kinh tế xây dựng một năm mới an khang, thịnh vượng và chúc Viện Kinh tế xây dựng ngày càng phát triển, xứng đáng là Viện đầu ngành về kinh tế xây dựng của Bộ Xây dựng và của cả nước.

Minh Tuấn

Những can thiệp có hiệu quả của công tác quy hoạch thành phố đối với phát triển bất động sản ở Trung Quốc

Công tác quy hoạch thành phố và tương lai phát triển bất động sản có quan hệ mật thiết với nhau. Giới đầu tư và khai thác bất động sản luôn mong muốn thu lợi nhiều nhất, trong khi đó công tác quy hoạch còn chưa được đồng nhất, dẫn đến tình trạng nhiều dự án đầu tư bất động sản bị trì trệ, thậm chí là phá sản, đất bỏ hoang, gây lãng phí. Chính vì thế làm thế nào để can thiệp có hiệu quả vào công tác quy hoạch, thúc đẩy và tạo điều kiện cho thị trường bất động sản phát triển ổn định, hài hòa đang là vấn đề nổi cộm của nhiều địa phương Trung Quốc.

I. Những thiếu sót của cơ chế trị trường trong phát triển bất động sản

Trong cơ chế thị trường, phương thức, quy mô và số lượng của hoạt động phát triển nhà đất đều chịu sự chi phối của phương thức và hướng kinh doanh, thu lợi nhuận, kinh phí. Và phương hướng của cung cầu đóng vai trò thúc tiến hoạt động phát triển. Theo hướng như vậy, các hoạt động phát triển nhà đất sẽ rất dễ lộ ra những mặt thiếu sót và chưa hoàn thiện.

1. Khai thác quá đà

Với những điều kiện nhất định, lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh phát triển tỉ lệ thuận với số lượng khai thác phát triển. Vì thế nếu cứ theo đuổi mục tiêu kinh doanh thu lợi nhuận, thông thường sẽ tạo nên hiện tượng khai thác quá đà trong giai đoạn đó. Nếu không có sự can thiệp về cơ chế phi thị trường khác, khai thác quá đà có thể sẽ cứ tiếp diễn, cho tới khi biên lợi nhuận về đầu tư xuống tới 0.

2. Tùy tiện khai thác phát triển và không tuân theo quy hoạch

Những nhà phát triển thị trường thường sẽ chọn những con đường có thể giúp họ kiếm

được nhiều lợi nhuận, càng nhiều lợi nhuận thì càng mạnh dạn đầu tư phát triển. Nếu tăng diện tích sử dụng đất của doanh nghiệp trong khai thác sử dụng đất ở, đặc biệt là khi quy hoạch không có chiều sâu, quản lý kém… thì càng dễ xảy ra những hành động làm trái quy hoạch, khó tiến hành quy hoạch một cách thực sự, đồng thời cũng khó tránh khỏi yêu cầu về chỉnh thể của quy hoạch.

3. Không xem trọng phát triển công cộng và lợi ích công cộng

Công trình chung là nền tảng và là tiền đề không thể thiếu đối với sự phát triển của thành phố, đóng vai trò cung cấp dịch vụ về lợi ích kinh tế một cách tổng thể cho xã hội. Do vậy trong quá trình phát triển thành phố, phát triển các công trình công cộng là một việc làm hết sức quan trọng. Nhưng, nếu chủ thể của sự phát triển công cộng là những cơ sở hạ tầng công cộng, như cơ sở hạ tầng của thành phố, môi trường xanh, đường sá… do không trực tiếp đem lại lợi ích kinh tế, khó thu được đủ lợi nhuận nên giới đầu tư không mặn mà với các công trình và hạ tầng cơ sở công cộng. Nếu thiếu sự can thiệp của nhà nước, cơ chế thị trường tất yếu sẽ làm lu mờ phát triển công cộng và dự án phát triển cơ sở hạ tầng công cộng sẽ không có đủ chiều sâu và số lượng cần thiết.

4. Cải tạo thành phố thiếu tính tích cực

Do mật độ công trình xây dựng ngày càng cao, số lượng công trình cũ bị dỡ bỏ lớn, tuy nhiên, các nhà đầu tư phát triển bất động sản lại không quan tâm đến công tác cải tạo thành phố, chính quyền thành phố cũng không thúc giục các công ty xây dựng tuân thủ theo quy hoạch trong xây dựng, lợi nhuận trước mắt càng lớn thì vi phạm xây dựng càng nhiều. Chính vì thế, chất lượng môi trường sống của người dân cũng không được đảm bảo, và công tác quy hoạch cải tạo cũng không đem lại hiệu quả như mong muốn.

II. Những can thiệp có hiệu quả của công tác quy hoạch thành phố đối với sự phát triển nhà đất

Trong khai thác phát triển, nếu chỉ dựa vào cơ chế thị trường thì không thể toàn diện và đầy đủ được. Do đó, cần phải có thêm một cơ chế khác. Đó chính là sự can thiệp chung của ban ngành các cấp có liên quan bằng cơ chế pháp lý, đặc biệt là sự can thiệp của bộ phận quy hoạch thành phố. Điều này đặt ra bài toán mới cho chính quyền thành phố. Khi đó, hoạt động khai thác phát triển nhà đất đồng nghĩa với việc làm thế nào để tiến hành theo sự chỉ đạo của lãnh đạo thành phố, mà vẫn có thể đặt ra quy định chuẩn mực, có tính bắt buộc với cơ chế ấy. Đây là điều rất quan trọng.

Ý nghĩa và tác dụng của cơ chế pháp lý

1. Bảo đảm sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên, tránh hiện tượng thất thoát, lãng phí

Ở thành thị, tài nguyên đất là vô cùng quan trọng và khan hiếm, giá thành sử dụng đất cao thấp tùy thuộc vào vị trí địa lý, không gian và điều kiện phát triển, chính vì thế giá đất ở khu vực thành thị thường cao hơn nông thôn rất nhiều. Thông qua các cơ chế pháp lý, chính quyền thành phố có thể hạn chế được tối đa sự bất hợp lý trong quy hoạch và sử dụng đất.

2. Bảo đảm xây dựng đầy đủ các công trình công cộng và cơ sở hạ tầng

Thông qua các quy định mang tính bắt buộc trong quy hoạch, có thể bảo đảm một cách hiệu quả việc sử dụng các công trình công cộng và cơ sở hạ tầng. Thông qua các cơ chế chính sách của Chính phủ để hỗ trợ cho công tác xây dựng công trình công cộng như bệnh viện, trường học, công viên…, đảm bảo môi trường sống ổn định và hiệu quả cho người dân, đáp ứng nhu cầu sống ngày càng tăng của người dân thành phố. Đồng thời hạn chế được việc xây dựng một cách lãng phí các công trình công cộng mà không có hiệu quả sử dụng.

3. Cân đối hài hòa giữa xây dựng trước mắt và phát triển lâu dài

Mục tiêu theo đuổi của các doanh nghiệp khai thác bất động sản là lợi ích kinh tế trong

thời gian khai thác. Các doanh nghiệp này luôn cố gắng tận dụng triệt để, nhanh chóng tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên của thành phố mà không để ý đến việc môi trường bị phá hoại. Quy hoạch thành phố quan trọng nhất là bảo đảm vững chắc lợi ích lâu dài của thành phố. Để các doanh nghiệp xây dựng và khai thác bất động sản tham gia quy hoạch sẽ giúp cho các hoạt động của ngành Xây dựng không bị lệch khỏi quỹ đạo, không làm tổn hại đến quá trình phát triển lâu dài của thành phố.

III. Những nội dung cần chú ý khi xây dựng quy hoạch thành phố

1. Sử dụng đất

Xu hướng đô thị hóa diễn ra ngày càng nhanh chóng ở Trung Quốc, hệ quả là cần phải chú trọng đến việc sử dụng đất hiệu quả. Khi xác định phạm vi và mục đích sử dụng đất cần phải căn cứ vào các điều kiện dưới đây:

- Phân loại phạm vi sử dụng đất phải thích hợp, phù hợp với nhu cầu khai thác.

- Sự khác biệt về giá trị từng khu đất trong thành phố ảnh hưởng đến bố cục không gian của thành phố. Theo nguyên tắc, đất càng gần trung tâm thì giá trị đất càng cao, nhu cầu thu lợi từ sử dụng đất và các hoạt động khai thác theo đó cũng càng cao. Khi làm quy hoạch và xác định phạm vi sử dụng đất, nhất định phải tính đến điều kiện phát triển của từng khu vực, phân bố đồng đều không gian phát triển, tránh để tình trạng nơi này sốt đất nơi kia đóng băng.

- Trong quá trình xác định phạm vi sử dụng đất, nhất định phải kiểm soát và hạn chế tối đa tình huống vì lợi nhuận thu được từ sử dụng đất cao mà chấp nhận cho khai thác quá mức, thậm chí làm mất đi không gian công cộng và không gian sinh hoạt chung, ảnh hưởng đến kết cấu và cơ sở hạ tầng trong thành phố như hệ thống điện, cấp thoát nước, giao thông, xử lý rác thải.

2. Bố cục không gian

- Bố cục không gian của dự án phát triển bất động sản nhất định phải phù hợp với yêu cầu và kết cấu chung của quy hoạch tổng thể.

- Trong quá trình phát triển ngành bất động sản, bố cục không gian phải đảm bảo vững chắc môi trường sống chất lượng cao.

3. Mật độ phát triển

Mật độ công trình xây dựng là mấu chốt trong việc hoạch định tốc độ phát triển. Tỉ lệ khối lượng, mật độ công trình, độ cao của công trình là ba chỉ tiêu khống chế quan trọng. Ba chỉ tiêu này trên thực tế có liên quan đến nhau.

- Căn cứ vào quy mô thành phố, yêu cầu quy hoạch tổng thể và khối lượng khai thác đất để ước tính lượng đất dự trữ phát triển thành phố, xác định rõ cường độ khai thác lớn nhất của mỗi khu đất.

- Khi xác định cụ thể cường độ khai thác đất, nên phân biệt rõ mục đích sử dụng các khu đất khác nhau thì khối lượng công trình và kiến trúc cũng khác nhau.

- Căn cứ vào hiện trạng, bao gồm sức chịu tải của cơ sở hạ tầng hiện hữu, mức chi phí một lần cho cải tạo là bao nhiêu, xác định cường độ khai thác trong quá trình phát triển sao cho phù hợp với quy hoạch tổng thể.

4. Môi trường cảnh quan và cơ sở hạ tầng

- Cảnh quan và môi trường sinh thái nằm trong quy hoạch nhằm đảm bảo yếu tố môi trường tự nhiên và không gian sống hài hòa cho người dân, mọi hoạt động khai thác và xây dựng công trình cần phải chú ý tới yếu tố cảnh quan, môi trường, cây xanh, mặt nước. Phát triển xây dựng xanh, thân thiện với môi trường tự nhiên là mục tiêu và yêu cầu của ngành Xây dựng trong hiện tại và tương lai.

- Quy hoạch phải đảm bảo cung cấp đầy đủ và cơ sở hạ tầng chất lượng, phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân. Cải tạo hệ thống hạ tầng hiện hữu đã lạc hậu, hỏng hóc, thay thế bằng những hệ thống hiện đại, phù hợp với nhu cầu sống và phát triển của con người.

IV. Những vấn đề liên quan cần chú ý

1. Quy hoạch và các yếu tố ảnh hưởng đến quy hoạch

Một hệ thống các can thiệp đa tầng, trong đó có thể kể đến các biện pháp can thiệp như thu thuế, đầu tư tài chính, thu phí đất, các bên cùng tham gia quy hoạch, sẽ giúp cho công tác quy hoạch đạt hiệu quả cao hơn. Các biện pháp này vừa đảm bảo tính pháp lý vừa đảm bảo tính cộng đồng trong việc lập và thực hiện quy hoạch.

Thu thuế cũng là một biện pháp can thiệp rất hiệu quả. Trong hoạt động phát triển thành phố, chính quyền thành phố có thể áp dụng chức năng quản lý nhà nước và quyền hạn của mình để thiết lập mức thuế khác nhau đối với hoạt động khai thác và phát triển bất động sản, thực hiện đầu tư các dự án công ích với tư cách là người khai thác và khuyến khích, hoặc kiểm soát xu hướng phát triển tiêu cực của nó ở một mức độ nhất định.

Hỗ trợ tài chính, trợ cấp là một biện pháp can thiệp khác mà Chính phủ thường dùng, chủ yếu là trong các dự án công trình công cộng, nhà ở thu nhập thấp, hay những dự án mà nhà đầu tư bên ngoài hoặc không có đủ tiềm lực tài chính hoặc không muốn bỏ vốn đầu tư. Thường thì đối với những dự án công cộng khó có thể dùng cơ chế thị trường để thực hiện, chính sách hỗ trợ tài chính hoặc hỗ trợ thuế đất lúc này có tác dụng vô cùng lớn.

Ngoài ra, còn có các biện pháp khác như điều chỉnh chính sách nhà ở (đơn cử như xây dựng nhà ở giá rẻ, xây dựng nhà cho thuê, thuê mua giá thấp...)

2. Quan hệ giữa quy hoạch thành phố và các quy hoạch khác

Chủ yếu là quan hệ với quy hoạch tổng thể tận dụng đất, quy hoạch xây dựng nhà ở trong thành phố, quy hoạch cảnh quan, quy hoạch hệ thống điện, nước, giao thông…

Quy hoạch tổng thể sử dụng đất thành phố có ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động phát triển ngành bất động sản. Theo kế hoạch cung ứng đất đai hằng năm của quy hoạch tổng thể sử dụng đất thành phố, trực tiếp quyết định phương thức và số lượng cung cấp đất. BộTài nguyên đất khi cấp đất phải căn cứ theo yêu cầu quy hoạch thành phố, cấp đất theo trình tự xây dựng phát triển quy hoạch thành phố, đảm bảo cục diện phát triển thành phố.

Quy hoạch xây dựng nhà ở là quy hoạch loại hình đặc biệt mà mấy năm gần đây mới bắt đầu thiết lập, trọng điểm là bảo đảm nhu cầu nhà ở của người thu nhập thấp trong thành phố. Điều này có vai trò quan trọng trong việc cải thiện quan hệ cung cầu nhà ở và điều chỉnh kết cấu cung ứng nhà ở. Khi xác định loại hình và diện tích đất ở trong quy hoạch thành phố, phải gắn liền với quy hoạch xây dựng nhà ở, đặc biệt là bảo đảm những nội dung như chọn địa điểm nhà và xác định diện tích nhà trong quá trình xây dựng nhà ở.

IV. Tổng kết

Hoạt động khai thác bất động sản là một hoạt động phức tạp cả về quy trình và trình tự. Dù theo chiều ngang hay chiều dọc đều liên quan đến rất nhiều lĩnh vực, vấn đề. Do đó cơ chế thị trường, tài chính, pháp lý đều rất quan trọng và cần phải được kiện toàn, phù hợp với nhu cầu thực tế phát triển, đồng thời phải đảm bảo được sự phát triển ổn định, lâu dài trong tương lai. Vì thế, chính quyền thành phố, những người trực tiếp liên quan đến các hoạt động khai thác và phát triển bất động sản, các doanh nghiệp trong ngành cần phải không ngừng tìm tòi và hoàn thiện những hạn chế trong quá trình phát triển, nắm vững quy luật và quan điểm phát triển bất động sản, mới có thể xây dựng hoạt động điều tiết, cơ chế phát triển hài hòa, hợp lí trong ngành bất động sản và can thiệp có hiệu quả trong quy hoạch thành phố.

Hoàng Trí

Nguồn: Tạp chí Kiến trúc và Xây dựng
Số 17/2013
ND: Quỳnh Anh

Xây dựng Trung Quốc tươi đẹp, hỗ trợ phát triển sinh thái

Sau hơn 30 năm phát triển nhanh chóng, ô nhiễm đang là vấn đề nổi cộm tại Trung Quốc, hệ thống sinh thái tại nước này đang đối mặt với tình trạng suy thoái nghiêm trọng. Trong chiến lược quốc gia về thúc đẩy xây dựng văn minh sinh thái, chuyển đổi mô hình phát triển, xây dựng đất nước Trung Quốc tươi đẹp đã trở thành trách nhiệm chung của toàn xã hội.

Chú trọng xây dựng văn minh sinh thái

Báo cáo của Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XVIII của Đảng cộng sản Trung Quốc đã đưa xây dựng văn minh sinh thái vào bố cục tổng thể xây dựng hiện đại hóa Chủ nghĩa xã hội, đồng thời đề ra phương châm chủ đạo là kiên trì ưu tiên tiết kiệm, ưu tiên bảo vệ, khôi phục tự nhiên.

Tập thể lãnh đạo Trung ương nhiệm kỳ mới với Tổng thư ký là đồng chí Tập Cận Bình, chỉ đạo theo tinh thần của Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XVIII của Đảng cộng sản Trung Quốc, kiên trì phát triển khoa học, tiếp tục đề ra một loạt các tư tưởng mới, suy luận phán đoán mới và yêu cầu mới nhằm thúc đẩy mạnh mẽ xây dựng văn minh sinh thái, ví dụ như "Xây dựng một Trung Quốc hiện đại hóa văn minh sinh thái"…

Đi sâu đẩy mạnh nghiên cứu hệ thống mục tiêu xây dựng văn minh sinh thái, bao gồm hơn 40 chỉ tiêu rõ ràng với 5 nội dung lớn về kinh tế sinh thái, môi trường sinh thái, cư dân sinh thái, chế độ văn minh sinh thái, văn hóa sinh thái.

Các tỉnh như Vân Nam, Hồ Bắc, Quảng Tây, Phúc Kiến, Chiết Giang, Giang Tô, Quảng Đông, Sơn Đông…, các khu tự trị lấy danh nghĩa của các cấp Đảng ủy, chính quyền hoặc Đại hội Đại biểu nhân dân để đưa ra các văn kiện về tăng cường xây dựng văn minh sinh thái.

Ông Chu Sinh Hiền - Bộ trưởng Bộ Bảo vệ môi trường Trung Quốc cho biết: "Văn minh sinh thái vừa là sự phản ánh và thăng hoa của mô hình phát triển truyền thống, vừa là mong muốn tốt đẹp về sự phát triển bền vững trong tương lai. Chúng ta cần tích cực tìm kiếm con đường bảo vệ môi trường mới - bảo vệ trong phát triển và phát triển trong bảo vệ."

Dưới sự chỉ dẫn của văn minh sinh thái, Trung Quốc tích cực tìm kiếm con đường phát triển xanh, tuần hoàn và cácbon thấp, phát triển chất lượng và nâng cao rõ rệt hiệu quả xây dựng môi trường sinh thái. Các địa phương như Giang Tô, Chiết Giang, Thiên Tân… đều đề ra quy hoạch, phương án có liên quan tới kinh tế tuần hoàn.

Trung Quốc nhấn mạnh sự dẫn dắt của Chính phủ, kết cấu công tác về mẫu thí điểm xây dựng văn minh sinh thái bước đầu được thiết lập. Tính đến tháng 10/2013, Bộ Bảo vệ môi trường Trung Quốc đã phân 6 đợt phê chuẩn với 125 mẫu thí điểm xây dựng văn minh sinh thái, lấy chủ thể là các khu vực hành chính như huyện, thành phố…, đồng thời đổi mới mô hình mẫu văn minh sinh thái tại các lưu vực trọng điểm và liên khu hành chính.

Giải quyết vấn đề môi trường nổi cộm, cải thiện rõ rệt môi trường sinh thái

Bảo vệ môi trường không khí, phòng chống ô nhiễm nguồn nước, xây dựng làng quê tươi đẹp, giảm ô nhiễm môi trường đang được chuyển thành những hành động cụ thể.

Tháng 9/2013, Trung Quốc đã đưa ra kế hoạch với giá trị 1.750 tỷ NDT, phấn đấu trong 5 năm tới sẽ cải thiện chất lượng không khí, giảm số ngày ô nhiễm.

Hiện tại "Điều lệ Xử lý thoát nước và nước thải tại các thành phố và thị trấn" đã được thông qua. Theo quy định tại Điều lệ này, trước khi thoát nước vào hệ thống thoát nước của thành phố, thị trấn từ các hoạt động công nghiệp, xây dựng, ăn uống, y tế… cần phải xin giấy phép.

Các địa phương như Tứ Xuyên, Cát Lâm, Liêu Ninh, Hắc Long Giang… đã thông qua triển khai xây dựng tỉnh sinh thái để bảo vệ có

hiệu quả môi trường sinh thái. Tỉnh An Huy đã tập trung thực thi phòng chống ô nhiễm nguồn nước tại các lưu vực trọng điểm như sông Hoài, Sào Hồ, tăng cường quản lý giám sát xả thải gây ô nhiễm nguồn nước sạch. Chỉ tiêu về môi trường tại các nguồn nước mặt như sông Hoài, Sào Hồ, Trường Giang, sông Tân An… đã được cải thiện rõ rệt.

30 năm trước con người hay cầu ấm no, ngày nay họ cần một môi trường trong sạch; hơn 30 năm trước con người coi trọng cuộc sống, ngày nay họ coi trọng sinh thái. Nhìn từ tỷ lệ xử lý vô hại hóa, xử lý rác thải và tỷ lệ xử lý nước thải sinh hoạt tại thành phố, thị trấn có thể thấy tỷ lệ xử lý vô hại hóa rác thải sinh hoạt tại các khu vực như Thiên Tân, Chiết Giang, Quảng Tây, Sơn Đông, Hải Nam… đều đạt tới trên 90%, tỷ lệ xử lý nước thải sinh hoạt thành phố, thị trấn tại các khu vực như Hà Bắc, Liêu Ninh, Giang Tô và Sơn Đông… cũng đứng vị trí hàng đầu trong toàn Trung Quốc.

Nông thôn là khâu yếu kém trong xử lý tổng hợp môi trường đô thị nông thôn. Tỉnh Chiết Giang đã triển khai các hoạt động xử lý tổng hợp môi trường đô thị nông thôn, đứng đầu trong cả nước về xây dựng nhà máy xử lý nước thải đô thị cấp huyện trở lên và xây dựng rộng khắp các hệ thống xử lý rác thải.

Nhìn từ góc độ diện tích đất xanh công cộng theo bình quân đầu người tại các thành phố, thị trấn, các địa phương như Sơn Đông, Hà Bắc, Giang Tô, Hải Nam, An Huy, Chiết Giang, Phúc Kiến, Hắc Long Giang… có diện tích đất xanh công cộng theo đầu người vượt trên 11 m^2, trong đó tỉnh Sơn Đông đạt tới 16 m^2.

Nỗ lực bảo vệ môi trường, cần có sự hỗ trợ của hệ thống các quy định pháp luật

Hiện tại, tuy đã có nhiều cố gắng, nhưng chất lượng môi trường Trung Quốc "có chuyển biến tốt về cục bộ, tuy nhiên tổng thể vẫn chưa được kiểm soát, tình hình vẫn còn nghiêm trọng, áp lực tiếp tục gia tăng". Bảo vệ môi trường còn cần có sự hỗ trợ của những quy định pháp luật nghiêm khắc và chặt chẽ.

Theo yêu cầu tại Phiên họp thứ 3 Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XVIII của Trung Quốc, cần tăng cường cải cách đổi mới, xây dựng quan niệm sinh thái, hoàn thiện chế độ sinh thái, phát triển kinh tế sinh thái, bảo vệ an toàn sinh thái, tối ưu hóa môi trường sinh thái, lưu giữ không gian sinh thái, bảo đảm sức khỏe cho quần chúng nhân dân.

Các Luật như Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi, Luật Phòng trừ ô nhiễm nguồn nước, Luật Phòng trừ ô nhiễm không khí, Luật Phòng trừ ô nhiễm đất đai… đã được đưa vào quy hoạch lập pháp tại Kỳ họp thứ 12 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nhân dân toàn Trung Quốc; Bộ Bảo vệ môi trường Trung Quốc cũng định kỳ công bố trên trang web chính thức của mình kết quả điều tra, giám sát về vấn đề ô nhiễm môi trường.

Cần thực hiện các chế độ quản lý tài nguyên môi trường nghiêm ngặt nhất, hình thành bố cục không gian, kết cấu công nghiệp, phương thức sản xuất, phương thức sinh hoạt tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường để xây dựng mục tiêu tương lai dài hạn về một Trung Quốc tươi đẹp.

Cố Thụy Trân

Nguồn: chinajsb.cn (Báo Xây dựng Trung Quốc)

ND: Kim Nhạn

Chiến lược phát triển giao thông cácbon thấp của đô thị vừa và lớn

Phát triển giao thông cácbon thấp có tác dụng hỗ trợ quan trọng để xây dựng đô thị cácbon thấp trong tương lai. "Giao thông đô thị cácbon thấp" dựa trên lý luận "đô thị cácbon thấp" là lấy kinh tế cácbon thấp làm mô hình phát triển, lấy đời sống sinh hoạt cácbon thấp

làm hành vi đặc trưng của người dân đô thị, lấy xã hội cácbon thấp làm tiêu chuẩn xây dựng giao thông đô thị. Nội dung nghiên cứu về giao thông cácbon thấp ở đô thị bao gồm giao thông dân dụng trong đô thị, vận tải hành khách và hàng hóa, giao thông công cộng trong đô thị. Lượng phát thải cácbon của giao thông đô thị chiếm một tỷ lệ lớn so với tổng lượng thoát thải cácbon của cả đô thị, đồng thời lượng phát thải cácbon và tiêu hao năng lượng của giao thông đô thị hàng năm vẫn còn tiếp tục tăng, trong đó phần lớn lượng phát thải cácbon tăng cao là do lượng xe hơi trong giao thông dân dụng. Do vậy để phát triển đô thị thì việc phát triển giao thông cácbon thấp và đô thị cácbon thấp là những yêu cầu vô cùng cấp thiết. Sự tăng trưởng quá nhanh và sử dụng quá mức xe hơi đã trở nên rất nghiêm trọng, dẫn đến các vấn đề như tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm môi trường không khí, tai nạn giao thông… góp phần làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng đời sống của người dân và hiệu quả vận hành kinh tế của đô thị. Chỉ có phát triển giao thông theo hình thức giảm lượng phát thải cácbon, giảm ô nhiễm môi trường mới là con đường thông suốt, con đường xanh và con đường tương lai của giao thông đô thị.

1. Sự hạn chế của phát triển giao thông đô thị truyền thống

Quá trình phát triển giao thông đô thị của các nước phát triển phương Tây gần như đều sử dụng phương tiện xe hơi làm mô hình phát triển truyền thống chủ đạo. Từ những năm 50 thế kỷ XX đến nay, cùng với việc đi sâu vào quá trình công nghiệp hóa, sự phát triển nhanh chóng của xe hơi cá nhân ở những thành phố của các nước phát triển phương Tây đã làm cho quy mô của đô thị tiếp tục mở rộng, mật độ dân số ở đô thị dần dần giảm đi. Cùng với quá trình đô thị hóa phát triển một cách nhanh chóng là một loạt những vấn đề về giao thông đường phố như ùn tắc, trật tự hỗn loạn, không đủ bãi đỗ xe, môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng, xảy ra nhiều sự cố giao thông hơn… Mà dân số Trung Quốc lại rất đông, các nguồn tài nguyên như đất đai, môi trường và năng lượng đều hạn chế so với các nước phương Tây. Dưới mô hình phát triển truyền thống của giao thông đô thị cùng với sự tăng trưởng về dân số và các loại xe cơ giới thì áp lực đối với nguồn tài nguyên hạn chế của Trung Quốc lại càng lớn, giao thông đô thị khó có thể đáp ứng được nhu cầu xây dựng thành phố cácbon thấp.

Hạn chế về tài nguyên đất đai

Với phương tiện giao thông chủ đạo là xe hơi, đô thị cần mở rộng đường phố và xây dựng các điểm đỗ xe. Phương tiện giao thông này còn mang đến một loạt các chi phí xã hội khác, bao gồm chi phí tăng thêm cho xây dựng đường phố, nhu cầu đất đai tăng thêm của đường phố, giảm không gian xanh trong đô thị dẫn đến các chi phí cho môi trường. Do thiếu quỹ đất, Trung Quốc đã thực hành chính sách khống chế sử dụng đất đai cho xây dựng đô thị, bảo đảm duy trì phát triển đô thị với mật độ cao để giảm bớt việc chiếm dụng đất, hạn chế việc mở mang và xây dựng mạng lưới đường phố của đô thị.

Hạn chế về tài nguyên môi trường

Ô nhiễm môi trường phát sinh từ hệ thống giao thông chủ yếu bao gồm khí thải và tiếng ồn của phương tiện giao thông… Trong đó, các tạp chất từ khí thải phương tiện có động cơ như CO, CO_2, các hợp chất helium - oxy… là những tác nhân chính làm cho khí hậu trở nên nóng hơn, gây ra mưa axit… dẫn đến môi trường bị ô nhiễm. Sự tăng trưởng nhanh chóng của lượng xe hơi cá nhân đã phá hủy mối quan hệ nhịp nhàng giữa môi trường và giao thông, trong khi các giải pháp phòng ngừa ô nhiễm môi trường, công tác xử lý không đến nơi đến chốn, thiếu sự quan tâm cần thiết… Chính vì vậy, môi trường giao thông đô thị không thể duy trì được tính bền vững mà ngày càng bị ô nhiễm nghiêm trọng hơn. Ở những đô thị lớn với mật độ dân số cao, hiện tượng giảm tốc, tăng tốc… của xe cộ lưu thông trên đường phố đô thị thường phát ra

khí thải độc hại làm ô nhiễm nghiêm trọng không khí đô thị, làm khả năng chống chọi của môi trường đối với giao thông đô thị ngày càng yếu hơn.

Hạn chế về tài nguyên năng lượng

Phát triển giao thông đô thị có liên quan đến việc cung cấp năng lượng. Mô hình phát triển giao thông theo hướng sử dụng xe hơi của các nước phương Tây vẫn tích cực kích thích sản xuất và tiêu thụ xăng, dầu… Theo số liệu của những tài liệu có liên quan, ước tính lượng tiêu thụ xăng, dầu của ngành vận tải ở các nước phát triển phương Tây chiếm 1/3 tổng lượng xăng dầu tiêu thụ, và con số này hàng năm vẫn tiếp tục tăng lên, trong đó nguyên nhân chủ yếu là do lượng xe hơi đang gia tăng mạnh. Tình trạng cung không đủ cầu trong sản xuất xăng dầu trên toàn cầu sẽ còn lâu dài, có nghĩa là mô hình phát triển giao thông đô thị của Trung Quốc sẽ đối diện với hạn chế về nguồn cung cấp năng lượng. Do đó, cần phải có những nghiên cứu để nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng trong mô hình phát triển giao thông.

Từ những phân tích ở trên, có thể thấy, nếu sử dụng xe hơi làm phương tiện chủ đạo trong mô hình phát triển giao thông đô thị truyền thống, thì việc phát triển giao thông đô thị ở Trung Quốc sẽ đối diện với 3 vấn đề lớn về tài nguyên là đất đai, môi trường và năng lượng, giao thông đô thị không thể tự phát triển theo hướng giảm phát thải, cũng không thể thỏa mãn nhu cầu giao thông vận tải ngày càng lớn do quá trình đô thị hóa, càng không thể xúc tiến phát triển kinh tế đô thị cácbon thấp, và cuối cùng là không thể thỏa mãn nhu cầu xây dựng đô thị cácbon thấp của Trung Quốc.

2. Phân tích các vấn đề và những hạn chế

Phương thức giao thông với phát thải cácbon

Lượng phát thải CO_2 của ngành giao thông vận tải so với tổng lượng phát thải CO_2 hàng năm vẫn không ngừng tăng cao. Cùng với mức sống của người dân ngày càng được nâng lên thì nhu cầu sử dụng phương tiện giao thông cá nhân cũng tăng lên, làm cho tổng lượng phát thải cácbon của giao thông dân dụng tiếp tục tăng mạnh. Do Trung Quốc vẫn đang ở trong giai đoạn tăng tốc của quá trình công nghiệp hóa, trong tương lai tổng lượng phát thải cácbon từ giao thông vận tải hành khách và hàng hóa ở đô thị vẫn không ngừng gia tăng. Dự tính trong những năm tới, tỷ lệ phát thải cácbon của ngành công nghiệp đối với đô thị sẽ giảm đáng kể, lượng phát thải cácbon của giao thông (đặc biệt là giao thông dân dụng) sẽ tiếp tục tăng lên so với hiện tại.

Kết cấu đô thị với phát thải cácbon

Những năm gần đây, cùng với tốc độ tăng trưởng nhanh chóng của dân số và sự mở rộng đô thị, nhiều khu đô thị quy mô lớn được hình thành ở ngoại ô, làm cho khoảng cách đi lại trong đô thị không ngừng tăng lên. Cách khai thác đô thị theo kiểu này không những làm tăng diện tích sử dụng đất đai mà khiến cho không gian và khoảng cách đi lại trong đô thị cũng tăng lên. Khoảng cách đi lại trong đô thị và phương thức giao thông có ảnh hưởng trực tiếp đến lượng phát thải cácbon của các phương tiện giao thông

Mật độ đô thị với phát thải cácbon

Đô thị với mật độ cao làm giảm tính phụ thuộc của giao thông, giảm tiêu hao nhiên liệu và khí thải từ khói xe. Rất nhiều học giả trong quá trình nghiên cứu đã phát hiện ra rằng, giữa mật độ đô thị với lượng sử dụng nhiên liệu tồn tại quan hệ mang tính quy luật. Mật độ đô thị thấp nhất với lượng nhiên liệu tiêu thụ cao nhất tập trung ở các đô thị của Mỹ; mật độ cao cùng với lượng tiêu thụ nhiên liệu cũng cao là các đô thị ở Hồng Kông. Tại các đô thị ở Mỹ, do khoảng cách không gian rộng lớn nên lượng tiêu hao nhiên liệu trong giao thông cao, còn tại Hồng Kông là do mật độ dân số quá cao, mà không thể dựa vào sự hỗ trợ của hệ thống giao thông vững mạnh. Dù sao tất cả mọi quan điểm đều cho rằng, mật độ của đô thị với khoảng

cách lưu hành của giao thông có tính tương quan rõ rệt, lộ trình đường đi của xe hơi là nguyên nhân chủ yếu tạo nên sự khác biệt.

Ùn tắc giao thông với phát thải cácbon

Độ thông suốt của giao thông ngoài chịu ảnh hưởng về khoảng cách, còn chịu ảnh hưởng về hao phí thời gian lưu thông. Hao phí thời gian của giao thông bằng xe hơi được quyết định bởi mức độ ùn tắc giao thông và trong một đơn vị thời gian lưu thông trên đường. Lượng xe tăng cao vượt qua giới hạn cao nhất của đường phố ở đô thị dẫn đến giao thông đô thị bị ùn tắc, lượng nhiên liệu tiêu hao tăng lên. Theo nghiên cứu, lượng tiêu hao nhiên liệu trong tình trạng ùn tắc giao thông cao hơn 10% so với lượng nhiên liệu tiêu hao lúc bình thường. Hiện tượng ùn tắc giao thông dưới mô hình phát triển kết cấu không gian đô thị một trung tâm nghiêm trọng hơn nhiều so với mô hình phát triển kết cấu không gian đô thị nhiều trung tâm. Theo quan điểm phát triển đô thị truyền thống, biện pháp tăng độ rộng của đường phố không thể theo kịp được tốc độ tăng trưởng của giao thông vận tải, và lượng phát thải CO_2 cũng theo đó tăng lên.

3. Gợi ý về giao thông đô thị cácbon thấp ở Hồng Kông

Hồng Kông là một trong những khu vực có mật độ giao thông nhộn nhịp nhất trên thế giới. Mật độ xe cộ ở Hồng Kông trên mỗi km đường phố khoảng gần 300 chiếc, tỷ lệ sử dụng đường phố ở Hồng Kông là rất cao, đứng ở vị trí dẫn đầu trên toàn thế giới. Phương tiện giao thông công cộng ở Hồng Kông bao gồm tàu điện ngầm, xe buýt, cáp treo, tàu điện trên cao, xe điện, và những xe công cộng loại hình nhỏ… Tỷ lệ sử dụng các phương tiện giao thông công cộng của người dân ở Hồng Kông là khoảng 90%, trong đó đường sắt và xe buýt thương mại chiếm 62%. Hồng Kông luôn nỗ lực thúc đẩy công tác bảo vệ môi trường, đề ra những biện pháp tích cực để giải quyết vấn đề ô nhiễm không khí do hệ thống giao thông vận tải gây ra, để bảo đảm phát triển bền vững một cách toàn diện. Nhìn chung, Hồng Kông chủ yếu chọn những biện pháp thực hiện giao thông cácbon thấp có ý nghĩa và hiệu quả như: Trước tiên là tập trung đầu tư phát triển giao thông công cộng, chủ yếu thông qua việc kết hợp, rút ngắn và thay đổi hành trình giao thông, điều chỉnh các điểm đỗ xe công cộng và tăng lưu lượng xe công cộng…, để các tuyến đường và các lượt xe công cộng có thể kịp thời đáp ứng được nhu cầu đi lại của hành khách; Sử dụng loại xe dùng loại nhiên liệu mới thay cho loại xe dùng nhiên liệu xăng dầu; chính quyền Hồng Kông đề ra cơ chế quản lý chặt chẽ kiểm soát khí thải phương tiện, toàn bộ xe taxi ở Hồng Kông đã chuyển sang sử dụng khí gas làm nhiên liệu, đồng thời ở những điểm giao thông thuận tiện đã bố trí những trạm bơm khí gas; Cải thiện môi trường giao thông cho người đi bộ; Tối ưu hóa đường phố giao thông, sử dụng kỹ thuật thông tin hiện đại để tối ưu hóa đường phố giao thông, để không gian đường phố đạt được hiệu quả sử dụng cao nhất. Trước đây Hồng Kông chủ yếu mở rộng hệ thống vận tải thông minh, cung cấp phục vụ mạng thông tin công cộng, triển khai giải đáp thắc mắc về giao thông một cách thiết thực và kịp thời, và sử dụng hệ thống khống chế giao thông khu vực, để một lượng lớn người tham gia giao thông có thể nắm bắt được tình hình giao thông ở mọi tình huống và mọi thời điểm, tìm ra hành trình tối ưu để nâng cao hiệu quả của mạng lưới giao thông vận tải; Tiết kiệm lượng điện tiêu hao trong hệ thống giao thông công cộng, ví dụ thực hiện ngừng vận hành những thiết bị thông gió và chiếu sáng tại các điểm phục vụ giao thông công cộng mỗi khi hết giờ, sử dụng những thiết bị tiết kiệm điện năng…

4. Kiến nghị đối sách phát triển giao thông đô thị cácbon thấp ở Trung Quốc

Kết hợp quy hoạch giao thông đô thị cácbon thấp

Kết hợp với việc xây dựng mạng lưới các đô

thị lớn, đẩy nhanh tiến độ xây dựng không gian đô thị của nhiều trung tâm, tối ưu hóa chức năng đô thị, thực hiện phát triển nhịp nhàng việc sử dụng đất đai và giao thông đô thị. Trong công tác quy hoạch, cần chú trọng khai thác khu vực mới lấy đầu mối giao thông then chốt để xây dựng mô hình đô thị mật độ cao hỗ trợ giao thông công cộng (mô hình TOD), để nâng cao tỷ trọng và hiệu suất của giao thông vận tải. Đồng thời, cần chú trọng mở mang thêm các khu cư trú mới và cân bằng sử dụng đất trong sản xuất công nghiệp để giảm bớt lộ trình giao thông và việc vận chuyển đến trung tâm. Thông qua việc xây dựng và quy hoạch một cách khoa học, nâng cao mật độ mạng lưới đường giao thông công cộng và tỷ lệ bao phủ của các trạm công cộng, các điểm trạm và tuyến đường giao thông công cộng phải được bố trí gần với khu vực cư trú của người dân, khu thương mại, các khu vực tập trung trường học, nâng cao khả năng tiếp cận của giao thông công cộng.

Ưu tiên phát triển giao thông công cộng, khống chế tăng trưởng quá nhanh đối với lượng xe hơi cá nhân

Các chính quyền đô thị cần cố gắng thiết lập vị trí ưu tiên của giao thông công cộng trong giao thông đô thị, đẩy mạnh đầu tư xây dựng hệ thống giao thông công cộng với công suất vận tải lớn và tốc độ cao, xây dựng tuyến giao thông công cộng chuyên dụng, hoàn thiện mạng lưới giao thông công cộng chủ đạo, nâng cao tỷ lệ phân chia trách nhiệm của giao thông công cộng, nâng cao chất lượng dịch vụ… Ngoài ra, cần phải nghiên cứu, đề xuất những biện pháp khống chế sự tăng trưởng quá nhanh của lượng xe hơi cá nhân. Ví dụ như, học tập kinh nghiệm nước ngoài, giảm bớt và thu nhỏ đường dành cho xe cơ giới trong đô thị, tăng thêm không gian đường dành cho người đi bộ và xe đạp, không nên chỉ tạo thuận tiện cho việc đỗ xe của các loại xe cơ giới... Chỉ như vậy mới có thể giảm nhu cầu mua và sử dụng xe hơi cá nhân của người dân đô thị, và đạt được hiệu quả trong việc hạn chế sự tăng trưởng nhanh chóng của xe hơi cá nhân trong đô thị.

Đẩy mạnh xây dựng đường sắt đô thị

Quá trình đô thị hóa và sự phát triển nhanh chóng của kinh tế đô thị yêu cầu giao thông đô thị phải có khả năng vận hành mạnh mẽ, để có thể thích ứng với đặc trưng phân bố hành khách ở đô thị, cung cấp dịch vụ vận tải cho giao thông công cộng, để có thể đáp ứng cho nhu cầu lưu thông vào giờ cao điểm. Đặc trưng của giao thông đường sắt phải đảm bảo an toàn, nhanh chóng và thuận tiện... để có thể nhận được sự hưởng ứng của mọi người dân ở đô thị, và từng bước thay thế cho các loại hình giao thông đô thị khác như xe hơi cá nhân, xe buýt công cộng… Ví dụ, hệ thống giao thông đường sắt ở thủ đô Paris của Pháp đảm nhiệm 70% lượng vận tải hành khách công cộng, ở Luân Đôn (Anh) lượng vận tải đường sắt chiếm 89% tổng lượng vận tải giao thông công cộng, lượng vận tải giao thông đường sắt ở Tokyo Nhật Bản chiếm 80% tổng lượng vận tải của giao thông công cộng. Từ đặc trưng kinh tế cácbon thấp của giao thông đường sắt có thể thấy rằng, các thành phố lớn của Trung Quốc đang nỗ lực phát triển giao thông đường sắt đô thị để đáp ứng hiệu quả nhu cầu xây dựng đô thị cácbon thấp là một chủ trương đúng đắn.

Đẩy mạnh ứng dụng của các loại xe tiết kiệm năng lượng bảo vệ môi trường xanh

Cần kiên quyết sớm đào thải hoặc cấm sử dụng đối với những loại phương tiện làm ô nhiễm môi trường, áp dụng thực hiện từ đô thị đến nông thôn, đồng thời, phải tăng cường đầu tư khoa học kỹ thuật, tăng cường công tác nghiên cứu khoa học, thúc đẩy tiến trình nghiên cứu về loại xe tiết kiệm năng lượng bảo vệ môi trường xanh, nỗ lực thúc đẩy tiến trình phát triển cácbon thấp của giao thông đô thị ở Trung Quốc. Đối với khái niệm của giao thông cácbon thấp, các đô thị lớn của Trung Quốc nên dần dần sử dụng những loại nhiên liệu mới thay thế cho xăng dầu và dầu diezel, mà không chỉ ở

lĩnh vực giao thông công cộng mà ở cả lĩnh vực giao thông cá nhân. Tuy nhiên việc xây dựng các trạm cung cấp nhiên liệu cho các loại xe sử dụng nhiên liệu thân thiện môi trường đòi hỏi sự tiêu hao tương đối nhiều sức lực và tài sản nhưng hiệu quả lâu dài lại rất khả quan.

Phát triển rộng mô hình giao thông chậm ở đô thị

Giao thông chậm, thông thường chỉ phương thức giao thông có tốc độ không quá 15 km/h, chủ yếu bao gồm giao thông đi bộ và giao thông không động cơ. Trước đây, giao thông đô thị của đa số các thành phố lớn ở Trung Quốc đều là mô hình giao thông dùng phương tiện không động cơ mà chủ yếu là xe đạp. Theo kinh nghiệm phát triển của các thành phố trong và ngoài nước cho thấy, vấn đề giao thông đô thị đã được các thành phố đó xử lý tương đối tốt, như Hồng Kông, Seoul, Copenhagen… Các thành phố này đều chú trọng cao độ về việc cải thiện giao thông chậm như là một nội dung quan trọng để cải thiện môi trường đô thị. Không gian lưu hành chậm hợp lòng người của những thành phố này đã khắc sâu vào trong ấn tượng của con người. Vì thế cần phải học hỏi kinh nghiệm phát triển giao thông đô thị của các thành phố trong nước và ngoài nước, nỗ lực mở rộng mô hình giao thông chậm ở đô thị.

5. Kết luận

Vấn đề ùn tắc giao thông đô thị ngày càng nghiêm trọng ở Trung Quốc không những làm ảnh hưởng đến thời gian đi lại của người dân mà còn làm tăng lượng tiêu hao năng lượng, gây ô nhiễm không khí và làm tăng lượng phát thải khí nhà kính, làm tăng chi phí lưu thông trong giao thông. Có thể nói, ùn tắc giao thông đã ảnh hưởng đến đời sống và công việc của người dân đô thị, ảnh hưởng đến tiến trình phát triển đô thị. Phát triển giao thông đô thị cácbon thấp là lấy việc phát triển kinh tế cácbon thấp làm mô hình phát triển, thông qua những kỹ thuật tiên tiến để nâng cao hiệu quả sử dụng nhiên liệu và sử dụng nguồn năng lượng sạch, nâng cao trình độ quản lý giao thông…, cuối cùng cần thực hiện mục tiêu giảm lượng phát thải khí nhà kính và thậm chí không phát thải khí nhà kính. Do đó, các địa phương của Trung Quốc phải coi trọng hơn nữa việc phát triển giao thông cácbon thấp, tăng cường đầu tư cho phát triển đường sắt ở đô thị, kết hợp chức năng phục vụ của giao thông công cộng, đi sâu vào việc thúc đẩy thống nhất quy hoạch giao thông đô thị và nông thôn, nâng cao trình độ quản lý giao thông thông minh, nỗ lực nghiên cứu và xây dựng hệ thống giao thông cácbon thấp ở đô thị của Trung Quốc, nhanh chóng khởi động công tác thí điểm của xây dựng giao thông đô thị cácbon thấp, tiến một bước thúc đẩy phát triển giao thông đô thị cácbon thấp, thuận tiện và thông suốt.

Đường Tương Long

Nguồn: TC xây dựng đô thị và nông thôn kỳ 10/2013

ND: Khánh Ly

KỲ HỌP LẦN THỨ 10 ỦY BAN LIÊN CHÍNH PHỦ VIỆT NAM – AN-GIÊ-RI

Hà Nội, ngày 08 - 10 tháng 01 năm 2014

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng và Bộ trưởng Amara Benyuones ký biên bản kỳ họp

Toàn cảnh kỳ họp